



**HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA
ĐỒNG NAI 2016**

**DANH NHÂN VĂN HÓA
TRỊNH HOÀI ĐỨC VÀ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
HOÀNG MINH CHÂU**

BIÊN HÒA, THÁNG 11 NĂM 2016

**HỘI THI TÌM HIỂU
GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - VĂN HÓA ĐỒNG NAI, 2016**

THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Họ và tên: Trương Thị Nguyên Hiền

Năm sinh: 21-10-1979

Giới tính: Nữ

Dân tộc: Kinh

Nghề nghiệp: Viên chức

Đơn vị công tác: Bảo tàng Đồng Nai

Nơi thường trú: Số nhà 174/35, khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Email: nguyenhienbtdn@gmail.com

Điện thoại: 090.417.5379

LỜI NÓI ĐẦU

Đồng Nai là vùng đất có truyền thống văn hóa lâu đời, nơi sinh tụ của nhiều lớp cư dân thời cổ. Sau này, do nhiều nguyên do, nhiều cộng đồng dân tộc tìm đến để khẩn hoang, mưu sinh. Trong tiến trình lịch sử hình thành và phát triển, Đồng Nai được xem là nơi “đất lành chim đậu”, cộng đồng các dân tộc đã sáng tạo và bổ sung các giá trị văn hóa độc đáo làm cho vùng đất này trở nên đa dạng và phong phú về văn hóa và tộc người.

Tôi sinh ra trên mảnh đất miền Trung, nhưng Đồng Nai là nơi tôi chọn làm quê hương thứ 2 của mình. Tôi may mắn khi làm việc tại Bảo tàng Đồng Nai đúng theo chuyên ngành được đào tạo tại Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh. Vì thế mong muốn được tìm hiểu lịch sử, nghiên cứu về địa danh, danh nhân văn hóa của vùng đất Đồng Nai luôn thôi thúc tôi. Đất Đồng Nai, Người Đồng Nai qua nhiều thời kỳ, thế hệ đã góp phần làm nên Hào khí Đồng Nai trong diễn trình lịch sử của dân tộc. Nhưng nhân vật, danh nhân của vùng đất Đồng Nai dù sinh ra nơi nào hay chọn nơi này làm đất sống, gắn với nơi này trong từng hoàn cảnh lịch sử đều để lại những dấu ấn đặc biệt, góp phần cho Đồng Nai phát triển. Là thế hệ trẻ, bản thân tôi nhận thấy rằng việc tìm hiểu giá trị văn hóa lịch sử nơi mình đang sống là nghĩa vụ, trách nhiệm với truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và niềm vui giúp cho bản thân hiểu hơn về bề dày lịch sử của dân tộc để trân trọng, giữ gìn và phát huy, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, văn minh.

Tham gia Cuộc thi Tìm hiểu giá trị Lịch sử - văn hóa Đồng Nai lần thứ VI do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, tôi muốn bày tỏ tấm lòng của mình đối với những con người đã có công đóng góp cho vùng đất này trong lịch sử. Xin được kính cẩn nghiêng mình trước cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức và người chiến sĩ cách mạng trung kiên đại biểu Quốc hội của Đồng Nai Hoàng Minh Châu. Mỗi con người với những hoàn cảnh khác nhau, có người sinh ra từ mảnh đất thân yêu này, có người từ nơi khác chọn nơi đây sinh sống, hoặc có thể gắn bó trong một phần của sự nghiệp, cuộc đời...nhưng những đóng góp của họ luôn được người Đồng Nai ghi nhận, biết ơn và là niềm tự hào mỗi khi nhắc đến. Họ trở thành những biểu tượng cao quý.

Qua bài dự thi này giúp tôi nhận thức được công hiến của bậc tiền nhân trên bình diện lịch sử - văn hóa với những di tích, sự kiện liên quan. Đồng thời, thể hiện cảm nhận của cá nhân và đề xuất một số ý kiến góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử văn hóa của các thế hệ tiền nhân mục tiêu bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của địa phương.

Qua đây, tôi xin được cảm ơn đến Bảo tàng Đồng Nai, Ban Quản lý Di tích – Danh thắng, Trung tâm Văn Miếu Trấn biên tỉnh Đồng Nai đã giúp đỡ về mặt thời gian, khảo sát thực địa sưu tầm tư liệu, hình ảnh... để hoàn thành bài dự thi của mình.

TÌM HIỂU
GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ
ĐỒNG NAI

Biên Hòa, năm 2016

Câu 1:

***Cảm nhận về nhân vật được chọn đặt tên đường.
Những hành động, đức tính của nhân vật cần học
tập, làm theo.***

CON ĐƯỜNG MANG TÊN DANH NHÂN VĂN HÓA TRỊNH HOÀI ĐỨC



I. VAI NÉT VỀ CON ĐƯỜNG MANG TÊN TRỊNH HOÀI ĐỨC

Thành phố Biên Hòa là tinh ly, trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh Đồng Nai. Thành phố Biên Hòa được công nhận là đô thị loại I theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 2488 – TTg ngày 30 tháng 12 năm 2015.

Ghi nhận công lao to lớn và tấm gương thanh liêm chính trực của ông, nhân dân Việt Nam bao đời đã tỏ lòng tôn kính và biết ơn, lòng tôn kính của hậu thế đối với các bậc tiền nhân. Ngày 6/9/2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định số 2854/QĐ-UBND theo Nghị quyết số 91/2007/NQ - HĐND ngày 25/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa, theo đó con đường ven công viên Biên Hùng thuộc phường Trung Dũng, có điểm đầu nối với đường 30 Tháng 4 và điểm cuối nối với đường Phan Đình Phùng được mang tên nhà danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức. Đường Trịnh Hoài Đức có chiều dài 800m, rộng 9m. Đường đi qua địa bàn có di tích lịch sử, lăng mộ Trịnh Hoài Đức và dòng tộc họ Trịnh.

Hiện tại đây cũng là đoạn đường đang hoạt động chợ đêm Biên Hùng. Chợ đêm Biên Hùng được thành lập tháng 12 năm 2005. Chợ nằm trọn đường Trịnh Hoài Đức, con đường vắt ngang đường Phan Đình Phùng và 30 tháng Tư và nằm bên cạnh công viên Biên Hùng. Chợ hoạt động từ 17 giờ đến 23 giờ hàng đêm, những dịp lễ tết chợ kéo dài hơn 23 giờ. Chợ đêm Biên Hùng kinh doanh các mặt hàng giày dép, quần áo, nữ trang, mỹ phẩm, dịch vụ ăn uống..., trong đó nổi bật nhất là các dịch vụ ăn uống đã trở thành nét sinh hoạt khá thú vị ở Biên Hòa trong sinh hoạt về đêm.



*Con đường vào Chợ đêm Biên Hùng tọa lạc trên con đường mang tên danh nhân Trịnh
Hoài Đức*

II. DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC

II.1. Tiểu sử

Trịnh Hoài Đức sinh năm 1765 tại thôn Bình Trước, dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay). Ông còn có tên là An, tự Chi Sơn, hiệu là Cán Trai. Khi mất, ông được vua Minh Mạng ban thụy là Văn Khác. Ông là bậc khai quốc công thần của triều Nguyễn một nhà văn hóa lớn Việt Nam và cũng là một nhà địa phương chí, nhà văn hoá lớn nhất miền Nam, cả cuộc đời gắn bó máu thịt với đất Đồng Nai – Gia Định; ông bà trước gốc người huyện Trường Lạc, tại Phúc Kiến (Trung Quốc), nối đời làm quan. Đầu đời nhà Thanh, ông nội là Trịnh Hội (hiệu Su Không) giữ nguyên đầu tóc (không chịu gióc bím theo lệnh của nhà Thanh) di cư sang Việt Nam, lưu ngụ ở đất Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay). Thân sinh Trịnh Hoài Đức là Trịnh Khánh, kết duyên cùng một cô gái người Việt ở xứ Đồng Nai. Trịnh Khánh nổi tiếng là người học rộng, văn hay chữ tốt và giỏi về thư pháp. Dưới đời vua Thế Tông triều Nguyễn (tức Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát 1738 - 1765), Trịnh Khánh nhờ nặc quyền được làm chức Ca thu (thụ (Cai thầu cửa bè An Tràng), sau đời ra ba trường Quy Nhơn, Quy Hóa và Bả Canh làm Cai đội nhưng được mấy năm thì Trịnh Khánh qua đời.

Lúc Trịnh Khánh mất, Trịnh Hoài Đức mới 10 tuổi mà rất bền chí hiếu học. Thời ấy gặp khởi nghĩa Tây Sơn, Ông bèn theo mẹ dời vào ở Phiên Trấn (tức Gia Định), phía Bắc Sài Gòn ngày nay) và vâng theo lời mẹ, theo mẹ học cụ Đặng Đức Thuật, với Xứ sĩ Võ Trường Toản. – được mệnh danh tôn gọi Xứ sĩ Gia Định¹. Là những nhà giáo nổi tiếng đương thời. Trịnh Hoài Đức thông minh, chăm học và cũng tại đây, ông kết bạn với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tịnh. Cả ba người sau này trở thành những vì sao lấp lánh trên bầu trời phương Nam, được mệnh danh là Gia Định Tam Gia.

Năm Mậu Thân 1788, lúc Nguyễn Phúc Ánh (tức Nguyễn triều Thế Tổ, Gia Long đế) khắc phục Gia Định, Trịnh Hoài Đức cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được cho làm chức Hàn Lâm viện Chế cáo. Năm sau (1789), nhiệm chức Điền Tuần sứ huyện Tân Bình, coi việc mở mang vùng tam giác sông Mê công, và xác định chế độ điền thổ, đồng thời lo trừ biện lương hướng cho quân đội. Sau ông lại đổi qua bộ hình, tham dự việc xét nghĩ hình luật văn án, kế nhiệm chính thị giảng Đông cung (tức con trưởng vua Gia Long, Hoàng tử Cảnh, sau truy tôn Anh Duệ Hoàng thái tử), và phụ tá Đông cung tọa trấn Diên Khánh và Phú Yên. Năm 1794 ra nhiệm chức Ký lục dinh Trấn Định (tức Mỹ Tho ngày nay) và mùa hạ năm 1801, quân Nguyễn thâm phục kinh đô Phú Xuân qua cứu thành Quy Nhơn, Hoài Đức nhiệm chức Hộ bộ Tham tri, chuyên trách lo binh lương tiếp tế.

Năm 1802, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long thăng nhiệm Thượng thư bộ Hộ và trong thời gian này ông được cử làm chánh sứ cùng với Tham tri Bộ Binh Ngô Nhơn Tịnh, Tham tri Bộ Hình Huỳnh Ngọc Uẩn đi sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc) cầu phong. Đến tháng 8 năm 1803, ông mới về Thăng Long, sau đó (1804) hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân. Về kinh sư, Trịnh Hoài Đức vẫn giữ chức Thượng thư bộ Hộ như trước.

¹ Sách Đại Nam nhất thống chí mục Gia Định tỉnh, nhân vật chép rằng: Võ Trường Toản người Bình Dương, thông minh hiếu học, tinh thông kinh sử, gặp thời Tây Sơn loạn lạc không ra làm quan, ở nhà lập trường dạy học trò, môn đệ như các ông Ngô Tông Châu, Trịnh Hoài Đức phần nhiều đều làm danh thần. Lúc vua Thế Tổ Cao Hoàng đế đóng quân tại Gia Định, nghe tiếng rất khen ngợi nhưng không muốn lấy quan chức khuất kẻ danh hiền, để cho thỏa chí cao thượng. Khi ông mất, vua sắc cho hiệu Gia Định Xứ sĩ, Sùng Đức tiên sinh, biểu khắc vào mộ chí. Năm Tự Đức thứ (1852), lại dựng nhà bia để biểu dương đức nghiệp của Tiên sinh.

Năm Gia Long thứ 4 (1805) vào tháng 2, triều đình phái Chương Trung quân Nguyễn Văn Trương làm Gia Định Lưu trấn, khiến Hoài Đức làm Hiệp lưu trấn. Tháng giêng năm 1808 (Gia Long thứ 7), Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành, tháng 9 năm ấy mới đặt chức Gia Định thành Tổng trấn, Nguyễn Văn Trương được về kinh, Nguyễn Văn Nhơn làm Gia Định Tổng trấn, Trịnh Hoài Đức làm Hiệp Tổng trấn tức vị quan đứng thứ hai ở cả vùng đất Nam bộ lúc bấy giờ.

Năm 1812 (Gia Long thứ 11), triều đình rút Hoài Đức về kinh, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm Quản Khâm thiên giám. Năm sau, ông sang giữ chức Thượng thư bộ Lại. Tháng Giêng năm 1816 (Gia Long thứ 15) Nguyễn Hoàng Đức nhiệm chức Gia Định Tổng trấn. Tháng 11 năm ấy, Thế Tổ cho rằng Gia Định là một thành lớn phương Nam, lại có việc giao thiệp với lân bang rất hệ trọng, cần phải có người giỏi trấn nhiệm mới được, bèn phái Lại bộ Thượng thư Trịnh Hoài Đức nhiệm chức Gia Định Hiệp Tổng trấn một lần nữa.

Năm 1819 (Gia Long thứ 18) tháng 9, Nguyễn Hoàng Đức mất, triều Nguyễn lại phái Chương Hữu quân Nguyễn Văn Nhơn Gia Định thành Tổng trấn. khiến Hoài Đức vẫn lãnh Hiệp Tổng trấn để phụ tá Nguyễn Văn Nhơn.

Tháng 12, cũng trong năm ấy (1819), vua Thế Tổ mất, Hoàng tử thứ 4 là Phúc Hiệu nối ngôi, đổi niên hiệu là Minh Mạng, tức Nguyễn Thánh Tổ. Minh Mạng năm đầu (1820) Tổng trấn Gia Định thành Nguyễn Văn Nhơn bị triệu về kinh, Trịnh Hoài Đức được cử đi thay chức vụ. Đến tháng 6 năm ấy, Thánh Tổ triệu về kinh trông coi bộ Lại như trước và kiêm Phó tổng tài Quốc sử quán.



Nội dung tiểu sử danh nhân Trịnh Hoài Đức tại khu lăng mộ

Lòng yêu quý và tin dùng của vua Minh Mạng đối với Trịnh Hoài Đức còn quá hơn Tiên Hoàng. Hoài Đức trở thành nguyên lão của Nguyễn triều và làm cố vấn tối trọng yếu cho vua Minh Mạng. Lúc triều đình có chính sự quan yếu, đều có sự tham gia của Trịnh Hoài Đức. Năm 1821 (Minh Mạng năm thứ 2), tháng 8, vua Minh Mạng thăng cho Hoài Đức hàm Hiệp biện đại học sĩ, lãnh cả hai chức Thượng thư bộ Lại kiêm bộ Binh. Cũng trong năm ấy, tháng 9, Trịnh Hoài Đức hộ giá vua Minh Mạng Bắc tuần các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, tháng 10 đến Bắc Thành (Thăng Long), Tháng 12, triều đình nhà Thanh sai Quảng Tây Án Sát sứ Phan Cung Thần làm Sách Phong sứ qua Việt Nam. Ngày Giáp Ngọ 19, trong tháng ấy cử hành lễ sách phong, Hoài Đức và Bắc thành Tổng trấn là Lê Chất đều sung chức Thị vệ Đại thần, tham dự điển lễ. Xong việc, Hoài Đức lại theo vua Minh Mạng trở về Nam, đến tháng Giêng năm 1822 (Minh Mạng năm thứ 3) về đến Huế.

II.2. Đóng góp của Trịnh Hoài Đức trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa

Trịnh Hoài Đức để lại cho hậu thế một kho tàng trước tác đồ sộ gồm văn thơ và công trình nghiên cứu lịch sử. Từ đầu triều vua Minh Mạng, Trịnh Hoài Đức đã dâng vua hai bộ “*Lịch đài kỷ nguyên*” và “*Khương tế lục*” và đặc biệt là bộ biên niên sử “*Gia Định thành thông chí*”. Năm 1805, khi đang làm quan ở thành Gia Định, Trịnh Hoài Đức được vua Gia Long sai “*kê khảo sự tích, cương vực, thổ sản trong địa hạt*”. Nhân đó, Trịnh Hoài Đức đã viết bộ sách quý *Gia Định thành thông chí*, một công trình có giá trị cao về địa dư, lịch sử, văn hóa của cả vùng đất phương Nam. Những kiến thức sâu sắc và toàn diện về Nam Bộ mà hiện nay, đây là nguồn sử liệu quan trọng cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa cũng như nhiều lĩnh vực trên những vùng miền, cụ thể của Nam Kỳ lục tỉnh/ Nam Bộ.

Tác phẩm “*Gia Định thành thông chí*” gồm 6 quyển, với trình tự nội dung sau:

+ Quyển 1: *Tinh dã chí* (Khu vực các ngôi sao): căn cứ vào thiên văn chí và địa lý chí của các sách chính sử Trung Quốc như Hán thư, Đường thư nhận định vị trí các đất Ngô Việt hay Dương Châu đối với các vì sao để suy luận về vị trí của đất Gia Định, phần này không có giá trị thiết thực.

+ Quyển 2: *Sơn xuyên chí* (Chép về núi sông): phân biệt theo từng trấn của đất Gia Định mà mô tả các núi sông. Lúc này Gia Định chia làm 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên. Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832), trấn Vĩnh Thanh mới chia làm 2 tỉnh là Vĩnh Long và An Giang. Sách “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn trước kia chưa nói đến núi sông của đất Gia Định. “*Gia Định thành thông chí*” là cuốn sách đầu tiên mô tả kỹ càng sông núi vùng này, các sách địa chí được biên soạn về sau như “*Đại Nam nhất thống chí*” đời vua Tự Đức cũng không mô tả kỹ càng hơn.

+ Quyển 3: *Cương vực chí* (Chép về bờ cõi): Phần đầu ghi chép lịch sử khai thác đất Gia Định của chúa Nguyễn, tác giả thường dẫn sách “*Phủ biên tạp lục*” của Lê Quý Đôn và sách “*Việt Nam khai quốc chí truyện*” của Nguyễn Bỉnh Trung, có những tài liệu hay về quan hệ ngoại giao giữa các chúa Nguyễn với các vua nước Cao Miên. Phần thứ hai chép về cương vực chung của đất Gia Định và cương vực từng trấn với vị trí, giới hạn, hình thể của trấn và danh sách các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, lân (có cả vị trí và giới hạn mỗi huyện và mỗi tổng). Đây là tài liệu mô tả kỹ càng nhất về các khu vực hành chính của đất Gia Định thời Gia Long. Về các trấn Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên, tác giả có chép thêm những sự kiện liên quan đến sự khai thác các trấn đó. Về trấn Hà Tiên có nhiều tài liệu liên quan đến Cao Miên và Xiêm La.

+ Quyển 4: *Phong tục chí* (Chép về phong tục, tập quán): Ghi chép về phong tục, trang phục, nhà cửa, tín ngưỡng, lễ tết, hội hè... của Gia Định, nét văn hóa riêng của mỗi trấn. Phần này cung cấp những tài liệu quý về văn hóa xưa của đất Gia Định.

+ Quyển 5: *Sản vật chí* (Chép về sản vật): phần đầu của quyển *Sản vật chí* nói về nông sản, tình hình ruộng đất của cả trấn, của một số huyện, tổng, thời gian cấy gặt ở mỗi nơi, các giống lúa và các giống hoa màu. Phần thứ hai nêu lên các sản vật quan trọng của các địa phương, từ lâm sản, thổ sản đến thủy sản.

+ Quyển 6: *Thành trì chí* (Chép về thành quách): Ghi chép về lịch sử xây dựng, đại thể, kiến trúc và những sự kiện liên quan đến hoạt động của các thành trì vùng đất Đồng Nai – Gia Định.

Có nhận định cho rằng, công trình *Gia định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức là cuốn địa chí hàng đầu về vùng đất Nam Bộ xưa, một viên ngọc quý trong kho tàng sách địa chí của Việt Nam, có giá trị khảo cứu về nhiều mặt, cung cấp nhiều hiểu biết về vùng đất này, không chỉ về mặt nhân văn mà cả tự nhiên. Công trình này ghi lại đầy đủ nhất, toàn diện nhất diện mạo vùng đất Nam Bộ trong thời kỳ khai phá, lập nghiệp của người Việt khi Nam tiến, những sắc thái của cộng đồng các cư dân và nhiều lĩnh vực về văn hóa, lịch sử, địa lý. Sau này, Quốc sử quán triều Nguyễn đều dựa vào nguồn tài liệu Gia Định thành thông chí để biên soạn các bộ sử: *Đại Nam thực lục/ tiền biên* và *chính biên*, *Lịch triều hiến chương*, *Đại Nam nhất thống chí*.

Trong quyển *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức không chỉ ghi chép cẩn thận, cụ thể từng tên sông, tên núi, tên vùng đất... mà còn giải thích cặn kẽ ý nghĩa của các địa danh đó. Nhiều tên đất, tên làng xã được ông chủ ý ghi lại bằng ngôn ngữ địa phương có nguồn gốc Miên như Sài Côn (Sài Gòn), Nông Nại (Biên Hòa), Rí Rang (Phan Rí - Phan Rang)... trước khi chúng được Hán hóa hoặc thay bằng những “mỹ tự” dưới triều vua Minh Mạng (1820 - 1840). Điều này giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu địa danh học, địa lý học lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa. Trịnh Hoài Đức qua *Gia Định thành thông chí* còn cho biết nhiều chi tiết lịch sử cụ thể về việc tổ chức các đơn vị hành chính ở Nam Bộ xưa.



Tác phẩm Gia Định Thành thông chí ược lưu giữ trưng bày trang trọng tại Văn Miếu Trấn Biên

Nội dung của *Gia Định thành thông chí* là ghi chép đầy đủ và cụ thể việc hình thành các trấn, núi sông cương vực, thành trì, khí hậu, sản vật và hoa quả, phong tục tập quán, cách làm ăn, sinh hoạt của nhân dân cũng như lịch sử hình thành đất Gia Định. Theo Trịnh Hoài Đức, đất Gia Định thời xưa còn có tên là *Giản Phố* hay *Nông Nại* (người đời Thanh di cư sang ta đọc chệch từ Đồng Nai). Địa đầu của Gia Định là *Mỗi Xuy* (hay Mô Xoài) và Đồng Nai (Biên Hòa). Năm Mậu Thìn (1808), tên Gia Định trấn đổi thành Gia Định thành, phủ lỵ đóng ở huyện Bình Dương (nay là quận Bình Thạnh). So với *Đại Nam nhất thống chí* thì *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép các địa danh Nam Bộ xưa khá chính xác.

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Bộ không lâu, Bộ trưởng Hải quân và thuộc địa Pháp – Chasseloup Laubat - đã ra lệnh dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp bộ sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức tại Paris năm 1863. Sách dịch gồm có 13 trang dẫn nhập và 359 trang nội dung, có cả bản đồ (Aubaret không dịch phần “thành trì chí” nói về thương mại, giao thông và thành trì của Gia Định từ đầu thế kỷ 19). Điều này cho thấy, nguồn tư liệu này khá quan trọng đến nỗi muốn tìm hiểu về vùng đất của một xứ xa xôi mà quân Pháp đã chiếm và dần biến thành thuộc địa đặc biệt quan tâm để sử dụng như thế nào. Công trình *Gia Định thành thông chí* đã chứng tỏ Trịnh Hoài Đức là một nhà văn hóa, một nhà sử học, một nhà văn tài năng.

Trịnh Hoài Đức còn là một nhà thơ, với “Gia Định tam gia 嘉定三家” nổi tiếng thời bấy giờ làm nở rộ một thời văn học Hàn lâm của đất trời phương Nam gồm Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh đều là học trò của Võ Trường Toản - những người cùng sáng lập ra Bình Dương thi xã².

Ông đã để lại cho đời những tác phẩm thơ quan trọng như *Bắc sứ thi tập*: gồm những bài thơ làm khi đi sứ sang nhà Thanh, *Cán Trai thi tập* (3 tập) 艮齋詩集: gồm những bài thơ làm từ

² Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhân Tĩnh là ba gương mặt sáng giá nhất trong tao đàn Bình Dương thi xã, nhóm Sơn Hội, cùng thời với thi đàn Chiêu Anh Các ở Hà Tiên. Họ đều xuất thân từ đất Sài Gòn cũ, đều là học trò của Sùng Đức xử sĩ Võ Trường Toản, thi đậu một lần, làm quan cùng triều. Trịnh Hoài Đức nhiều lần đi sứ Trung Quốc, làm đến Thượng thư Bộ Lại, kiêm Bộ Hình và Phó tống tài Quốc sử quán.

năm 1783 đến năm 1819, được khắc in năm 1819. Đặc biệt, ông còn có trong bộ *Gia Định tam gia thi tập* 嘉定三家集 (tức tập thơ của tam gia Gia Định).

- ***Gia Định Tam gia thi tập (Tập thơ của ba nhân vật Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Lê Quang Định)***: Nhà nghiên cứu Lê Quang Trường cho rằng: Tư tưởng trung quân yêu nước gắn liền với lòng tự hào dân tộc là nội dung thường thấy trong thơ các Tam gia. Bên cạnh tư tưởng Nho giáo chính thống, những yếu tố phi Nho cũng tồn tại trong tư tưởng của Gia Định tam gia, sẽ dẫn đến tinh thần “cư Nho mộ Thích”. Ngoài hai nội dung chính, còn có ba nét riêng của từng tác giả: Trịnh Hoài Đức: nặng tình với quê hương và con người Nam Bộ; Ngô Nhân Tĩnh: tính cách đạ̄m bạ̄c cao thượng và tâm sự một nho thần; Lê Quang Định: con người tài hoa và những suy tư về cuộc đời.

Ngoài mảng đề tài khá hẹp, chủ yếu vịnh vật, vịnh sử với thể loại khá ổn định: thể Đường luật, các ông còn làm thơ vịnh hoạ theo các bộ vắn và dài hơi khá đặc thù trong phong cách vừa phóng khoáng vừa cứng rắn của người Nam Bộ (một lối chơi thơ trước đó ít thấy xuất hiện ở những nơi khác như Đàng Ngoài). Riêng Trịnh Hoài Đức là người sử dụng nhiều thể thơ khác nhau để sáng tác nhất trong Tam gia, cho thấy khả năng làm chủ nhiều thể loại và phong cách phóng khoáng hào sảng của Trịnh Hoài Đức. Về ngôn ngữ thơ, đáng chú ý là sự kết hợp từ ngữ khá sáng tạo theo nếp nghĩ dân tộc, đồng thời đã thấy ít đi những sáo ngữ. Trịnh Hoài Đức còn sử dụng chữ Nôm để sáng tác. Ngôn ngữ thơ Nôm Trịnh Hoài Đức vừa mang tính dân tộc vừa mang tính đặc thù của địa phương Nam Bộ, do đó cũng là những tư liệu quý khi khảo sát về chữ Nôm Nam Bộ. Những hình ảnh dân dã đời thường cũng đi vào thơ chữ Hán Tam gia với ý nghĩa mới mang phẩm chất tốt đẹp của người quân tử một cách tự nhiên như khi nó đi vào thơ Nôm của những tác giả lớn trong lịch sử thơ ca dân tộc. Ba nhà thơ là ba phong cách và giọng điệu: Trịnh Hoài Đức - trang nhã và hào sảng; Ngô Nhân Tĩnh - thâm trầm, chiêm nghiệm và Lê Quang Định - khoan thai, đôn hậu. Ở phương diện nội dung, để khẳng định những đóng góp của thơ Gia Định tam gia đối với nền văn học Hán Nôm Nam Bộ, trước hết phải nói đến tình cảm yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, nối tiếp tinh thần của những nhà thơ tiền bối; hai là, lòng yêu quê hương và con người Nam Bộ. Nếu không có những dòng thơ này, cảnh sinh hoạt trên quê hương Nam Bộ sẽ thiếu đi rất nhiều. Ở phương diện nghệ thuật, thơ Gia Định tam gia

có những đóng góp tích cực về đề tài và thể loại, đặc biệt là thể vịnh hoạ liên hoàn. Nó không những tạo ảnh hưởng đến các nhà thơ ở Bắc Hà cùng thời mà còn cả ở Nam Bộ giai đoạn sau. Điều đó chứng tỏ sự nổi nguồn và khơi mạch của các ông đối với văn học Hán Nôm Nam Bộ. Với ba giọng điệu và phong cách riêng, các ông là cột mốc trong nền văn học Hán Nôm Nam Bộ được các thế hệ sau kế thừa và phát huy. Về công bố văn bản tác phẩm thơ của Gia Định tam gia: Chúng tôi đã dịch được 544 bài thơ (Trịnh Hoài Đức 287/327 bài; Ngô Nhân Tĩnh 182/187 bài do thiếu mất 5 bài; Lê Quang Định 75/77 bài do thiếu mất 2 bài), 9 bài tựa, bạt trong các thi tập của Gia Định tam gia cùng những lời bình thơ Lê Quang Định của thi hào Nguyễn Du và Ngô Thì Vị.

- “*Cán trai thi tập*” là quyển thơ tập hợp những bài do Trịnh Hoài Đức sáng tác trong khoảng 1782 - 1818. Tập này đã được Trịnh Hoài Đức mượn thợ khắc ván in ở Việt Đông khắc in lưu lại cho con cháu đời sau.

Về hoàn cảnh và thời gian ra đời *Cán trai thi tập* theo tựa đề tựa *Cán trai thi tập* (tựa Trịnh Hoài Đức viết lời tựa do Tiến sĩ Đỗ Thị Thảo dịch): “Mùa Đông năm Bính Tý, phụng mệnh tôi cùng quan khâm sai Chương Tiên quân Bình Tây tướng quân, tước Đức Quận công là Nguyễn Huỳnh Đức làm Tổng trấn thành Gia Định. Khi đó đã làm từ cũ thì hai tập *Thoái thực* và *Quan Quang* phần lớn đã bị sâu mọt gặm nát. Không nỡ để những tâm tích thuở bình sinh của mình bị mai một; nếu không sớm lo làm lại, thì sau này toàn bộ các tập ấy không biết tìm ở đâu. Bèn vội biên tập lại, tập đầu đặt tên là *Thoái thực truy biên*, tập tiếp lấy tên là *Quan Quang* và thu thập những bài từ năm Giáp Tý trở về sau, gồm các bài như: ứng chế, đưa tiễn, thăm viếng, tặng đáp... cùng những khi rèn học trò, con cháu và bạn bè ngâm vịnh đề xướng, cho đến cuối năm Bính Tý, đặt tên là *Khả dĩ tập*; rồi đóng lại làm một tập, lấy hiệu của mình đặt tên là *Cán Trai thi tập*. Mượn được thợ khắc ván in ở Việt Đông, khắc in lưu lại cho con cháu, để biết lý lịch của ông thuở bình sinh. Gần đây Sở Nghiên Cứu Tân Á, (thuộc Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á) dưới sự điều khiển của Giáo Sư Trần Kinh Hòa, đã cho in lại. Theo đó, *Cán Trai thi tập* gồm 5 phần:

- *Tựa và bạt* của tác giả và 3 người đồng triều: Nguyễn Địch Cát, Ngô Thì Vị, Cao Huy Dục.

- *Thối thực truy biên tập* 退食追編集: gồm 127 bài thơ sáng tác từ 1782 đến 1801 được chia ra như sau: Ngũ ngôn tuyệt cú: 03 bài, Ngũ ngôn luật: 15 bài, Thất ngôn tuyệt cú: 10 bài, Thất ngôn luật: 99 bài.

- *Quan Quang tập* 觀光集: gồm 152 bài thơ sáng tác từ 1802 đến 1803 khi tác giả đi sứ³.

- *Khả dĩ tập* 可以集: gồm 48 bài thơ và văn xuôi, sáng tác từ 1804 đến 1818.

- *Tự truyện*: ghi về gia đình, hoạn lộ, cuộc đi sứ, và lý do ấn hành tập thơ này, đề năm thứ 18 đời Gia Long (1819).

II.3. Tấm lòng trung nghĩa của Trịnh Hoài Đức

Trong huyết quản của ông là hai dòng máu Hoa - Việt hòa trộn. Ông yêu vùng đất đã nuôi dưỡng và ưu ái ông không chút hoài nghi và ông đã đem hết tâm huyết, tài năng, nghị lực phục vụ cho đất nước - quê mẹ ông. Ít có vị quan nào cùng lúc được lòng vua mà vẫn được nhân dân thương yêu toàn vẹn như ông. Đặc biệt, Trịnh Hoài Đức luôn xác định mình là công dân Đại Việt, ngay cả khi ông đi sứ sang Trung Hoa. Qua một số bài trong tập “Bắc xứ thi tập” ông luôn hướng sự hoài cảm của ông về tổ quốc Đại Việt. Đối với nhân dân, trước cảnh lầm than, khói lửa can qua, ông chia sẻ nỗi đau của thân dân Đại Việt:

Năm ba ông lão xóm Đông

Hái rau thay gạo đói lòng sớm hôm

Hay:

Điều quạ no nên kêu rộn bãi

Hồn ma vất vưởng khóc thâu canh.

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, cùng với sự trung hưng của triều Nguyễn, môi trường văn hóa cũng được các nho sĩ Đảng Trong nhen nhóm, khơi dậy chói lòa một giai đoạn lịch sử.

Bắt đầu là nhóm Chiêu Anh Các với Thập bát Anh do Mạc Thiên Tích khởi xướng ở Hà Tiên (1738), với “Minh bột di ngư”, “Hà Tiên thập vịnh”, “Lư khê nhàn điệu”...

³ Ở Việt Nam các nhà viết văn học tách rời ra và cho rằng Trịnh Hoài Đức có “Cán trai thi tập” và “Bắc xứ thi tập”; thật ra “Bắc xứ thi tập” là “Quan Quang tập” và nằm trong “Cán trai thi tập”.

Ông là một người gốc Minh Hương, nhưng tinh thần và tâm thức ông luôn hướng về Việt Nam. Điều đó được tìm thấy rõ qua các công trình sáng tác và trước tác văn học của ông đối với lịch sử văn hóa Việt Nam hồi giữa thế kỷ XIX. Ông là sáng lập viên Bình Dương thị xã, nhóm Sơn Hội. Đây là một trong hai thị xã nổi tiếng và bề thế nhất ở lục tỉnh Nam kỳ. Thị xã này gồm: Chỉ Sơn Trịnh Hoài Đức, Nhữ Sơn Ngô Nhân Tịnh, Hối Sơn Hoàng Ngọc Ân, Tri Chỉ Lê Quang Định (điều đáng chú ý là các vị sáng tác có tên tự hoặc hiệu đều có chữ Sơn, do đó nhóm có tên là Sơn Hội) đa số họ là người Minh Hương, nhưng lại rất nặng lòng với Việt Nam mà họ xem như nước mẹ. Tất cả những yếu tố đó có lẽ xuất phát từ sự cảm hóa mãnh liệt của văn hóa Việt Nam đã khiến họ trở thành một mẫu người Việt Nam chân chính. Niềm tin cùng sức cảm hóa của văn hóa Việt Nam đối với những người Minh Hương nhận nước Việt Nam làm tổ quốc được tìm thấy rõ qua một số thơ văn của họ (tức nhóm Minh Hương Gia Thạnh) đặt cơ sở tại vùng Chợ Quán (Chợ Lớn), nay thuộc đường Trần Hưng Đạo và Hùng Vương, quận 5, TP.HCM. Tại đình Gia Thạnh (Gia Thạnh Đường) ngày nay còn dấu tích tấm biển với ba chữ Gia Thạnh đường và đôi liễn do chính tay Trịnh Hoài Đức viết:

*“**Minh** đồng nhật nguyệt diệu **Nam** thiên, phụng chỉ lân trường **Gia** cảm tú; **Hương** mãn càn khôn linh **Việt** địa, long bàn hổ cứ **Thạnh** văn chương”.*

Nghĩa là:

“Ánh sáng không thua mặt trời, mặt trăng để soi khắp trời Nam quy mô thì phụng múa lân châu càng tăng vẻ đẹp gấm vóc.

Mùi hương tung khắp đất trời làm thơm nước Việt, địa thế thì rồng quăng cạp dựa càng nảy ra những đấng tài hoa”.

Mùa thu năm 1823 (Minh Mạng năm thứ 4), Trịnh Hoài Đức nhân khó nhọc quá độ sinh bệnh, bèn dâng biểu xin trở về gia quán tại Gia Định, cho được thỏa nguyện “chôn chết quay đầu về núi”, và nói rằng hiện vợ chết còn chưa chôn, con đang ở nhà chịu tang, không có người thị dưỡng. Vua đành lòng phải thuận, khiến Phạm Đăng Hưng đem dụ chỉ yên ủi và lưu lại. Dụ rằng:

“Xem lời trần tấu của khanh, khiến người phải mũi lòng rơi lụy. Từ ngày khanh tiến chức Hiệp biện đại học sĩ đến nay, quốc vụ quân cơ, tán trợ rất là nhiều đặc lực, trẫm đương để ý cây nường, sẵn lòng yêu dấu; khanh là người trung thành, sáng suốt, há lại không tin lời trẫm, mà vội nói việc bỏ đi. Như nói vì tình vợ việc nhà, thì ở đời ai lại không thiết nghĩa keo sơn, nhưng gặp lúc tình thế “vô khả nại hà”, thì cũng đối xử làm sao cho hợp lẽ là được. Vả lại trong lúc khí suy bệnh nặng, tinh dưỡng rất cần, ta cho phép khanh nghỉ việc bộ một thời gian, để an tâm điều trị, thuốc men thích đáng, chắc người lành trời giúp, khó gì không tât khử bệnh trừ, hà ắt phải tính việc vượt biển băng vời, khiến người phải vì khanh e ngại. Nếu nghĩ rằng khí hậu trong Nam ấm áp, có thể chữa chứng hàn thấp chóng khỏi, thì cũng phải chờ cho bệnh bớt người mạnh, rồi xin nghỉ về thăm nhà, đường bộ thênh thênh, há chẳng tốt hơn hay sao? Dầu như lời khanh nói: “sương gió không chùng, lòng chỉ nguyện quay đầu về núi cũ”, một là một bậc đại thần của nước, há vì một có mọn ấy mà không được toại nguyện hay sao? Điều ấy lại khiến người không hiểu vậy. Nói tóm lại, khanh hãy an tâm tĩnh dưỡng, sao cho khí vượng thân cường, chẳng nên lấy việc mọn bận lòng, chính phải biết gìn vàng giữ ngọc, rồi đây tuổi trời thêm thọ, bình phục khang cường, cho thỏa lòng trông mong của trẫm”⁴.

Rồi khiến ông tạm nghỉ việc bộ Lại và bộ Lễ, để chuyên tâm tĩnh dưỡng, và ban cấp cho nhơn sâm nhục quế. Vua Minh Mạng lại nhận thấy Hoài Đức làm quan rất liêm khiết, đến lúc ấy mà chưa có nhà riêng, bèn cho 2.000 quan tiền và sặng gỗ ngói gạch để làm nhà ở. Hoài Đức vâng mạng, cất một sở nhà hiệu Quỳnh Viên, ở ngoài cửa đông thành Huế để dưỡng bệnh.

Tháng 9 năm ấy (1823), Hoài Đức khỏi bệnh, dâng biểu tạ ơn trở lại lãnh chức Thượng thư bộ Lại và bộ Lễ, nhưng mới được hơn mười ngày, lại dâng biểu xin nghỉ ba tháng về thăm nhà, vua Minh Mạng buộc lòng phải y cho. Lúc ấy vua quay bảo thị thần rằng “*Các đấng nhơn quân đời xưa, gặp lúc thần hạ bất đắc ý cáo xin về hưu, cũng có xuống lời dụ ôn tồn để an ủi, nhưng chỉ lời văn nói khéo bề ngoài vậy thôi. Còn như trẫm với Hoài Đức, trọng lễ hậu đãi, đau ốm thì hết lòng xót thương; thành thực trải lòng, chẳng chút mảy may giả dối, điều đó các khanh đều biết như thế. Vì Trịnh Hoài Đức là bậc đại thần, trẫm rất tin cậy; như nay bệnh cũ đã khỏi, khá nên vì nước chia lo, triển tài năng để sửa chữa cho ta trong mọi việc ta còn thiếu*

⁴ Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển thứ 22,

sốt ...”⁵ Vua lại khiến Văn thư phòng lấy tờ dụ chỉ ủy lưu Hoài Đức ngày trước, tuyên đọc cho bầy tôi nghe. Hoài Đức cũng thâm cảm ơn đãi ngộ đặc biệt của vua Minh Mạng. Khoảng tháng 10 năm ấy (1823), về Gia Định liệu việc nhà. Qua năm sau, Minh Mạng năm thứ 5 (1824), tháng 3, trở ra kinh lại lãnh Lại bộ Thượng thư kiêm quản Lễ Bộ sự vụ. Tháng 7 nhuận năm ấy, vua Minh Mạng khiến biên sửa Nguyễn triều Ngọc Diệp và Tôn Phả, Hoài Đức sung chức Tổng tài để điều khiển công việc. Tháng 11, bản Ngọc Diệp sửa xong, do Tổng tài Hoài Đức thượng tiến. Cũng trong tháng ấy, Hoài Đức lại vâng mạng quyền lãnh công việc ty Thương Bạc. Nhưng chẳng bao lâu, bệnh cũ trở lại, qua tháng 3 Minh Mạng năm thứ 6 (1825) sau một thời gian lâm bệnh, Trịnh Hoài Đức mất tại Phú Xuân, thọ 61 tuổi. Vua Minh Mạng nghe tang, khóc ông với những lời lẽ tiếc thương đau đớn. Thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, mục tháng 3 năm ấy chép rằng: “Vua thương tiếc vô cùng, bảo thị thần rằng: “Hoài Đức tính người thuần hậu thành thực, có công khó lâu ngày; buổi đầu Trung Hưng, rất được tiên đế chú ý giản dụng, khi đi sứ Thanh Quốc, khi vào Hiệp trấn Gia Định, đều được thành công rực rỡ, nổi tiếng thuần lương. Từ ngày ta nối ngôi đến nay, vốn biết ông là người trung hiền, cất lên làm chức lớn, thường cùng bàn chính sự, ông có nhiều ý kiến rất hay. Vẫn tưởng đãi ngộ lâu dài, gìn giữ mãi ngôi cao lộc cả, chẳng ngờ năm ngoài thành linh ông mắc bệnh nặng, ta tức khắc sai ngự y điều trị; hôm trước, bệnh thêm nặng, ta khiến Thị vệ lập tức đem sâm quế thuốc ngự dụng ban cho, nhưng thuốc thang đã không cứu kịp, ông đã bỗng chốc lìa trần, nghe tin rung rung rơi lụy”. Vua bèn tặng phong cho ông hàm Thái bảo, Cần chánh điện Đại học sĩ, (trật Chánh nhất phẩm), ban tên thụy là Văn Khác và cho gắm đồ, gắm Tổng mỗi thứ 4 cây, sô sa nhiều đoạn mỗi thứ 4 cây, nhiễu lụa 11 cây, tiền 2.500 quan, gạo 500 vuông, dầu 3.000 cân, bãi triều ba ngày, khiến quan đến tế. Đám tang ông được tổ chức trọng thể. Ngày an tang, Vua Minh Mạng còn phái Hoàng tử Miên Hoàng đến nhà thay mặt vua ban ngự tửu, lại phái 400 lính Thần Sách hộ tống đến bến sông Hương, cấp 2 tên mộ phu để canh giữ mồ mã”.

Cách đối đãi long trọng như thế, thực ít thấy trong lịch sử triều Nguyễn, đủ thấy giữa Thánh tổ với Trịnh Hoài Đức tình cảm vua tôi gắn bó như thế nào. Thử theo nguyện vọng của ông, linh cửu của ông được đưa về chôn tại quê nhà ở làng Bình Trước, huyện Phước Chánh,

⁵ Đại Nam Thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển thứ 23.

phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa (nay là phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa). Năm 1852, bài vị ông được thờ ở miếu Trung Hưng công thần, nơi thờ tự bậc có công nhất đối với vương triều. Sang năm 1858, bài vị Trịnh Hoài Đức lại được đem về thờ ở đền Hiền lương.

II.4. Tình cảm của Trịnh Hoài Đức với Biên Hòa - Đồng Nai

Trịnh Hoài Đức rất gắn bó với vùng đất Nam Bộ nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung, miền quê hương đã nuôi dưỡng Ông. Tình cảm bộc lộ qua cách nhìn, cảm nghĩ, điều nhớ về nếp sống người dân miền thôn dã được quan sát, ghi nhận tinh tế. Có thể nói Trịnh Hoài Đức đã hòa tâm hồn mình với sinh hoạt miền quê lòng yêu mến, nỗi thân thuộc, gần gũi, là một bức tranh cuộc đời, cuộc sống, công việc của đồng quê, của thiên nhiên để tự tồn của những người dân đi khai phá vùng đất mới. Hình ảnh man mác trong thơ của Trịnh Hoài Đức thật bình dị: cái chợ nhỏ, cây cầu trong xóm, một con sông, vọng gác, một ánh lửa trên ghe chài, đêm thanh vắng của đồng quê. Ông yêu mến những thứ đó và cho rằng cuộc sống hiền hòa, bình dị .

Cảnh làng Tân Triều của xứ Đồng Nai (nay thuộc xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu) được vẽ dưới ngòi bút của Trịnh Hoài Đức trong bài *Tân Triều đãi độ* (Đợi đò bên Tân Triều). Thiên nhiên đẹp như một bức tranh thủy mặc nhưng không buồn bã đìu hiu mà ấm áp. Bên cái hòng trắng: chân ngựa dẫm xuống nước mang trắng khí đi ngàn dặm là cái thơ mộng với hình ảnh: rèm trúc như mây cuộn ánh trăng sáng lọt vào song cửa.

Cảnh Gành Rái được miêu tả trong bài *Lại Úc Quan lan* (xem sóng ở Gành Rái), trời biển hòa vào nhau như một bầu ngọc đúc, cảnh đẹp nhưng không gọi lên niềm thoát tục để tiêu dao nơi cõi tiên mà vẫn lưu luyến cõi phàm trần, có đồn lũy canh giữa cho cuộc sống của nhân dân yên ổn. Chí khí cao rộng của tác giả quyện chặt với tấm lòng thương yêu lo lắng cho dân, tâm hồn thi sĩ không mâu thuẫn với trách nhiệm xã hội.

Trong bài *Lộc động tiều ca* (tiếng hát ông tiều ở Hồ Nai) – nay thuộc địa phận Thành phố Biên Hòa dẫu có nhiều thay đổi về cảnh quan, tả một ông tiều hát dân ca. Niềm vui lao động ở đây được gửi vào tiếng hát hòa nhịp với tiếng rìu chặt cây, hòa nhịp với tiếng suối chảy, quyện vào đám mây bay. Tiếng hát mộc mạc cũng như cuộc sống giản dị của ông tiều, hòa đồng với thiên nhiên, hồn nhiên và phác thực không bọt mủi phù hoa, danh lợi: Bằng tình cảm chân thực, với cái nhìn đầy thiện cảm, thân yêu và trù mến nhà thơ đã tái hiện lại những bức tranh

sinh động về cảnh nông thôn và sinh hoạt ở miền Nam, cảnh người nông dân Gia Định - Đồng Nai đánh cá, làm rẫy, cày cấy, gieo trồng được hiện lên dưới những vần thơ giàu hình ảnh và nồng nàn tình cảm của tác giả. Nội dung nổi bật trong thơ Trịnh Hoài Đức là lòng yêu quê hương, đất nước, gắn bó mật thiết và thủy chung với cuộc sống, cảnh vật và con người đất Đồng Nai – Gia Định

II.5. Người Biên Hòa - Đồng Nai với danh nhân Trịnh Hoài Đức

Biên Hòa – Đồng Nai là địa đầu trong công cuộc khai khẩn vùng Nam Bộ trong quá trình Nam tiến của các chúa Nguyễn. Nơi đây, đã thu hút nhiều cư dân từ nơi khác đến sinh sống qua nhiều thời kỳ.

Vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai gắn với cuộc đời của Trịnh Hoài Đức khi dòng họ của Ông từ Trung Hoa tìm đến sinh sống và gắn với sự nghiệp làm quan trong chính trường của nhà Nguyễn. Trải qua những chặng đường, gia đình Trịnh Hoài Đức đã chọn Bình Trục - Biên Hòa tụ cư. Lớn lên trên đất Nam Bộ, ông theo học những người thầy nổi tiếng và đã đóng góp công sức của mình cho nhà Nguyễn từ khi gây dựng thanh thế cho đến khi dựng được cơ đồ. Vì vậy, có thể nói: Biên Hòa – Đồng Nai là vùng đất giàu nặng nghĩa tình đối với Trịnh Hoài Đức nên khi đến cuối đời dẫu có thể đề đạt nguyện vọng với những ưu đãi đặc biệt nơi chốn kinh thành vì là quan đại thần nhưng Ông đã chọn nơi đây để an giấc nghìn thu. Có lẽ, trong tâm thức và suy nghĩ – của con người mang hai dòng máu Hoa – Việt, Biên Hòa từ vùng đất “tị nạn” của dòng họ đã trở thành quê hương “ruột thịt” đã từng cru mang dòng họ, gia đình và bản thân Trịnh Hoài Đức.

Trịnh Hoài Đức - một nhân vật lịch sử mang trong người hai dòng máu Hoa và Việt, sinh ra và lớn lên trên đất Đồng Nai - Gia Định. Dưới thời Nguyễn, ông là bậc đại công thần vẹn toàn tài đức, được vua tin yêu, quần thần ngưỡng mộ. Ông không những là một nhà chính trị, một nhà văn thơ mà còn là một nhà sử gia nổi tiếng của Việt Nam . Sự nghiệp văn chương của ông đã đóng góp nhiều tài liệu quý giá trong kho tàng văn hoá và sử học nước nhà.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu khoa học một lần nữa đã khẳng định công lao của Trịnh Hoài Đức qua các tác phẩm, công trình để lại, là nguồn sử liệu quý báu cho nghiên cứu sử học và địa lý, xã hội... vùng đất Nam Bộ. Bên cạnh những người con ưu tú đã đóng góp công sức, cuộc đời cho vùng đất này, Trịnh Hoài Đức là niềm tự hào của người Biên Hòa – Đồng Nai. Cuộc đời của Ông là nhân cách đáng kính trọng và di sản của Ông để lại là tài sản vô giá.

Từ sau năm 1975, chính quyền Đồng Nai đã tiến hành lập Hồ sơ khoa học để trình nhà nước xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia. Đây là một việc làm có ý nghĩa thiết thực trong công tác bảo tồn di sản văn hóa gắn với danh nhân Trịnh Hoài Đức – một sở pháp lý quan trọng đồng thời cũng thể hiện đạo lý tốt đẹp của truyền thống dân tộc: "Uống nước nhớ nguồn".

Năm 1998, trong hoạt động kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1698 - 1998), chính quyền Đồng Nai đã trùng tu, tôn tạo di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức một cách khoa học, đáp ứng nguyện vọng của người dân và góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa – lịch sử của vùng đất Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng.

Từ đó cho đến nay, công tác bảo quản di tích lịch sử danh nhân Trịnh Hoài Đức được thực hiện tốt với sự phân cấp trong quản lý, bố trí người bảo vệ. Gắn liền với di tích là những hoạt động về nguồn thiết thực đáp ứng trong việc giới thiệu di sản, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc đối với thế hệ trẻ của địa phương. Cùng với hệ thống di tích khác, di tích lịch sử Trịnh Hoài Đức đã góp phần trong hoạt động du lịch, thu hút khách tham quan. Trong chương trình giáo dục học đường (môi trường thân thiện, hành trình đến với di sản...), nhiều trường học của Đồng Nai tổ chức hoạt động định kỳ cho học sinh tham quan di tích, góp phần chăm sóc di sản, bảo quản, trong đó có di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức đã đem lại những tích cực về giáo dục di sản văn hóa.



Danh nhân Trịnh Hoài Đức được tôn quý trong hệ thống thờ tự cùng với các danh nhân có công với đất nước, với vùng đất Nam Bộ

Tại Văn miếu Trấn Biên – một công trình Văn hóa mang tâm vóc, ý nghĩa và quy mô được tỉnh Đồng Nai phục dựng, tôn tạo từ năm 1998 và khánh thành năm 2001, đi vào hoạt động, trở thành biểu tượng văn hóa mới, đầy sức sống của Biên Hòa – Đồng Nai. Trong Nhà Đại bái, danh nhân Trịnh Hoài Đức được tôn quý trong hệ thống thờ tự cùng với các danh nhân có công với đất nước, với vùng đất Nam Bộ: Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 - 1969), *Chu Văn An* (1292 - 1370), *Nguyễn Trãi* (1380 - 1442), *Nguyễn Bình Khiêm* (1491 - 1585), *Lê Quý Đôn* (1724 - 1784), *Nguyễn Du* (1765 - 1820), *Võ Trường Toản*, (? - 1792), *Đặng Đức Thuật*, *Gia đình tam gia có: Trịnh Hoài Đức* (1765 - 1825), *Lê Quang Định* (1759 - 1813), *Ngô Nhơn Tịnh* (? - 1813), *Nguyễn Đình Chiểu* (1822 - 1888), *Bùi Hữu Nghĩa* (1807 - 1872). Đây là những nhân vật lịch sử đã đóng góp nhiều công sức cho sự phát triển của nước nhà mà tiêu biểu cho nền giáo dục Việt Nam. Hoạt động nói chuyện chuyên đề về danh nhân văn hóa được thờ tự ở Trấn Biên, có danh nhân Trịnh Hoài Đức của Trung tâm Văn miếu có ý nghĩa trong việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu vùng đất – con người – văn hóa của Đồng Nai đến với mọi người; đặc biệt thế hệ trẻ của địa phương.

Tỉnh Đồng Nai đã thực hiện nhiều công trình biên soạn khá công phú về lịch sử - văn hóa vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Đây là điều kiện thuận lợi và hiệu quả trong việc phát huy giá trị di sản văn hóa. Những công trình *Địa chí Đồng Nai*, *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình*

thành và phát triển, Hồi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai, Người Đồng Nai, Di tích lịch sử văn hóa Đồng Nai...290 năm Văn miếu Trấn Biên..., xuất bản và hiệu đính công trình *Gia Định thành thông chí, Gia Định tam gia...*Trong nội dung các công trình này, danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức được đề cập, tạo điều kiện cho nhiều người tìm hiểu, nghiên cứu vùng đất Nam Bộ. Tỉnh Đồng Nai tổ chức giải thưởng về Văn hóa nghệ thuật mang tên danh nhân: Giải thưởng Trịnh Hoài Đức 5 năm xét thưởng cho các công trình nghiên cứu, sáng tác về Đồng Nai trên các lĩnh vực Văn hóa, Nghệ thuật, Nghiên cứu, Sân khấu – Điện ảnh.

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Biên Hòa, con đường mang tên danh nhân nối liền đường Phan Đình Phùng và đường 30 tháng Tư – chạy theo trục công viên Hồ Biên Hùng, bên cạnh Khu Lăng mộ, được quy hoạch chợ đêm Biên Hùng. Ngôi trường Tiểu học mang tên danh nhân Trịnh Hoài Đức là niềm tự hào của đội ngũ giáo viên, học sinh trong nhiều năm qua....Những việc làm đáng trân trọng, mang ý nghĩa thiết thực của người Đồng Nai với danh nhân Trịnh Hoài Đức..

II.6. Di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức



Khu di tích lăng mộ Trịnh Hoài Đức

Lăng mộ Trịnh Hoài Đức hay còn gọi là lăng ông, tọa lạc tại số 28, đường Trịnh Hoài Đức, khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, có tọa độ địa lý

10⁰57'13" độ Bắc; 106⁰49'18" độ kinh Đông. Trong quần thể mộ của gia tộc Trịnh Hoài Đức. Dưới thời Nguyễn, lăng ông thuộc thôn Bình Trúc, dinh Trấn Biên. Thời Pháp thuộc sửa thành làng Bình Trước, quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa. Năm 1938 Viện Bảo tàng Quốc gia (Trường Viễn Đông Bác cổ) công nhận khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức là di tích (theo Nghị định số 1189, ngày 24, tháng 2 năm 1938). Ngày 27 tháng 12 năm 1990, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch đã ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 1539-QĐ, ngày 27/12/1990 của Bộ VH-TT-TT&DL (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Mộ Trịnh Hoài Đức và Chánh thất phu nhân họ Lê thuộc loại hình kiến trúc song táng gồm: mộ Ông Trịnh Hoài Đức và mộ bà Chánh thất phu nhân họ Lê. Khu mộ được người xưa xây dựng với quy mô lớn về kết cấu và trang trí, tuân thủ theo đúng thuyết phong thủy phương Đông, có giá trị về tín ngưỡng tâm linh, hài hòa trong khung cảnh thiên nhiên của vùng đất Biên Hòa xưa.

II.6.1. Mộ Trịnh Hoài Đức

Phần mộ Trịnh Hoài Đức được tạo tác làm bằng chất liệu đá có kích thước 4m x 1,6m x 1m35m. Mặt chính ngôi mộ quay theo hướng Nam, lệch Tây 37⁰. Theo các nhà nghiên cứu, hướng mộ quay về hướng Tây với mục đích đón quan tinh, lộc tinh, đón cát hung theo thuyết phong thủy. Nấm mộ được tạo dựng theo lối kiến trúc tạo hình voi phục đầu voi hướng về phía bia với chức năng bảo vệ và tạo cảnh quan kiến trúc.



Phần mộ danh nhân Trịnh Hoài Đức

Phía trước mộ ông Trịnh Hoài Đức được xây dựng một bệ thờ kích thước cao 0,55m, dài 1,4m, rộng 0,5m, được đắp nổi hình chân quỳ. Nổi liền với bệ thờ được tạo tác phần khung gắn bia kích thước cao 1,2m, dài 1,7m, rộng 0,75m được trang trí bởi các đường hồi văn. Bia bằng đá sa thạch xám hạt mịn có kích thước: cao 1m, rộng 0,55m đặt giữa, trên có khắc chữ Hán, xung quanh được trang trí biểu tượng âm dương và hồi văn. Nội dung văn bia như sau:

- Hàng ngang trên cùng ghi: 皇越

+ Phiên âm: Hoàng Việt

+ Tạm dịch: *Hoàng triều Việt Nam.*

- Hàng dọc chính giữa ghi:

協辦大學士贈特進榮祿大夫右柱國少保勤政殿大學士鄭公之墓

+ Phiên âm: Hiệp biện Đại học sĩ, tặng đặc tiến vinh lộc đại phu hữu trụ quốc Thiệu bảo Cần Chánh điện Đại học sĩ Trịnh công chi mộ;

+ Tạm dịch: *Phần mộ Trịnh Công (Trịnh Hoài Đức) chức Hiệp biện Đại học sỹ, tặng Đặc tiến vinh lộc đại phu, Hữu trụ quốc, Thiệu bảo Cần chánh điện Đại học sỹ.*

- Hàng bên trái của bia ghi: 乙酉仲冬月吉日

+ Phiên âm: Ất Dậu trọng Đông cát nhật

+ Tạm dịch: *Ngày lành tháng 11 năm Ất Dậu (1825).*

- Hàng bên phải của bia ghi: 孝子翰林院弁須程川子鄭天然立石

+ Phiên âm: Hiếu tử Hàn lâm viện biên tu Tình Xuyên tử, Trịnh Thiên Nhiên lập thạch.

+ Tạm dịch: *Con hiếu Trịnh Thiên Nhiên, chức Hàn Lâm viện biên tu, tước Tình Xuyên tử lập bia.*

II.6.2. Mộ Chánh thất phu nhân họ Lê

Kế bên mộ Ông là mộ Bà Chánh thất phu nhân họ Lê có kích thước: chiều dài 4m, rộng 1,5m, cao 1,35m được tạo tác nạm mộ hình voi phục. Mặt chính quay theo hướng Tây Nam. Bệ thờ cao 0,50m, dài 1,25m, phần gắn bia mộ cao 1,1m, dài 1,65m, rộng 0,70m.

Bia mộ bằng đá sa thạch xám hạt mịn, cao 1m, rộng 0,5m, giữa khắc chữ Hán, xung quanh trang trí hồi văn. Phôi trí chữ Hán 1 hàng ngang (*đại tự*) và 2 hàng dọc chính giữa (*đại tự*) và bên trái (*tiểu tự*).

Nội dung trên bia:

- Hàng ngang trên cùng ghi: 皇越

+ Phiên âm: Hoàng Việt;

+ Tạm dịch: *Hoàng triều Việt Nam.*

- Hàng dọc chính giữa bia ghi: 協辨大學士鄭公正室黎夫人之墓

+ Phiên âm: Hiệp biện Đại học sĩ Trịnh công chánh thất Lê phu nhân chi mộ;

+ Tạm dịch: *Phần mộ bà phu nhân họ Lê, vợ chánh của Trịnh Công (Trịnh Hoài Đức) giữ chức Hiệp biện Đại học sĩ.*

- Hàng bên dọc bên phải ghi: 孝子鄭天禮,天然,天保全奉祀

+ Phiên âm: Hiếu tử Trịnh Thiên Nhiên, Trịnh Thiên Lễ, Trịnh Thiên Bảo hợp phụng tự.

+ Tạm dịch: *Các con: Trịnh Thiên Nhiên, Trịnh Thiên Bảo, Trịnh Thiên Lễ cùng lập bia thờ phụng.*



Phần mộ chánh thất phu nhân họ Lê

- **Bình phong hậu:**

Trong tổng thể kiến trúc bình phong hậu có vai trò hết sức quan trọng nhằm tạo cảnh quan kiến trúc chung cho toàn bộ khu mộ. Bình phong hậu có kích thước: cao 2,4m; rộng 3,6m; dày 0,65m, nối liền với vòng thành tạo nên hình lượn sóng.

Mặt trước Bình phong hậu còn nhiều dấu vết của các dòng chữ Hán khắc chìm nhưng dưới tác động của thiên nhiên và con người đến nay nội dung chữ Hán trên bình phong hậu đã bị mờ, không đọc được. Năm 1998 nhân dịp kỷ niệm 300 năm Biên Hòa - Đồng Nai hình thành và phát triển, trong quá trình tu bổ, tôn tạo khu mộ, mặt trước bức bình phong hậu được trang trí hình tượng rồng với ý nghĩa “*Rồng - thái dương*” tượng trưng cho thiên hạ thống nhất thái bình thịnh trị, vạn sự như ý, quang minh và quyền uy, cao quý và cát tường.

Đặc biệt tại Bình phong hậu có trang trí ban thờ dạng chân quỳ mang biểu tượng hổ phù. Trong triết lý vũ trụ Nho giáo, không gian bên trong tại khu mộ là chốn linh thiêng, hổ phù diễn tả sức mạnh chế ngự của vương quyền đó cũng là sự biểu hiện vũ trụ bao la vô bờ bến, là hình ảnh tượng trưng linh thiêng, xua đuổi tà ma, chống lại ám khí, bảo vệ chủ nhân. Hai bên bình phong hậu có motype trang trí “*lưỡng long triều Dương*”, “*lưỡng long triều Nhật*”, “*lưỡng long châu Phúc*” của nghệ thuật trang trí cung đình lăng tẩm Nguyễn.



Bình phong hậu tại khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức

III. BÀI HỌC TỪ GƯƠNG DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC

Trịnh Hoài Đức – nhà văn hóa lớn, một danh nhân kiệt xuất của đất Đồng Nai. Sinh thời, ông là bậc tiền nhân sống thanh liêm, trong sạch, cả cuộc đời quên mình vì nước, vì dân. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đáng để người đời noi gương và ngưỡng mộ.

Triều Nguyễn đã đánh giá cao về Trịnh Hoài Đức: *“Ông là người cẩn thận, phong độ, trầm tĩnh, nghiêm chỉnh, học vấn rộng, nghị luận thường giữ đại thể, đức nghiệp văn chương, đời phần tôn trọng”*. Qua một số thi phẩm Trịnh Hoài Đức, con người của ông với tâm lòng tràn đầy tình yêu con người, quê hương: Yêu mến thiên nhiên, thân thuộc với sinh hoạt của vùng quê Nam Bộ và cao cả là tình thương với nhân dân, với bạn hữu và với những người xung quanh.

Nội dung nổi bật trong thơ Trịnh Hoài Đức là lòng yêu quê hương, đất nước, gắn bó mật thiết và thủy chung với cuộc sống, cảnh vật và con người đất Đồng Nai – Gia Định. Bằng tình cảm chân thực, với cái nhìn đầy thiện cảm, thân yêu và trù mến nhà thơ đã tái hiện lại những bức tranh sinh động về cảnh nông thôn và sinh hoạt ở miền Nam, cảnh người nông dân Gia Định - Đồng Nai đánh cá, làm rẫy, cày cấy, gieo trồng được hiện lên dưới những vần thơ giàu hình ảnh và nồng nàn tình cảm của tác giả.

Nhắc đến Trịnh Hoài Đức là nhắc đến nhân vật tiêu biểu cho cả vùng đất Biên Hòa, Đồng Nai. Tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ về cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến to lớn của ông đối với lịch sử nước nhà cũng chính là việc làm cụ thể và thiết thực, nhằm góp phần thể hiện sự biết ơn của các thế hệ hôm nay đối với các bậc tiền nhân đi trước.

Trịnh Hoài Đức - một nhân vật lịch sử mang trong người hai dòng máu Hoa và Việt, sinh ra và lớn lên trên đất Đồng Nai - Gia Định. Dưới thời Nguyễn, ông là bậc đại công thần vẹn toàn tài đức, được vua tin yêu, quần thần ngưỡng mộ. Ông không những là một nhà chính trị, một nhà văn thơ mà còn là một nhà sử gia nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỷ XVIII. Sự nghiệp văn chương của ông đã đóng góp nhiều tài liệu quý giá trong kho tàng văn hoá và sử học nước nhà.

Ngày nay, các nhà nghiên cứu khoa học một lần nữa đã khẳng định công lao của Trịnh Hoài Đức qua các tác phẩm hiện còn lại của ông như “Cán trai thi tập” và “Gia Định thành

thông chí” được coi là sử liệu hàng đầu cho các nhà nghiên cứu sử học và địa lý của xứ Nam kỳ. Với Đồng Nai, chúng ta tự hào bên cạnh Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú có Trịnh Hoài Đức - người con và danh nhân Đồng Nai - rất xứng đáng được ghi tên tuổi vào bảng vàng văn hoá Việt Nam. nhân dân Đồng Nai tự hào về danh nhân Trịnh Hoài Đức, người đã làm rạng ngời cho tên tuổi xứ sở Đồng Nai và mãi mãi là tấm gương sáng chói cho các thế hệ mai sau không riêng với Đồng Nai mà cả nước Việt Nam chúng ta.

Là kẻ hậu sinh nên đối với bản thân tôi, tôi không những luôn tự hào và tôn kính những đóng góp to lớn của Trịnh Hoài Đức mà còn cố gắng học theo đức tính sống giản dị, thanh liêm hết lòng vì dân, vì sự phồn vinh của đất nước của danh nhân. Đối với nhân dân, trước cảnh lâm than, khói lửa ông luôn chia sẻ nỗi đau của thân dân Đại Việt.

Dù ông được vua ban nhiều chức vị cao đầy quyền lực như: Thượng thư kiêm Phó Tổng tài Quốc tử giám; Hiệp biện Đại học sĩ kiêm Thượng thư bộ lại và bộ binh; Chánh chủ khảo cho những kỳ thi ở Huế. Con đường thăng tiến của ông một mặt thể hiện sự sùng ái của vua, mặt khác nói lên tài năng và nhân cách sống của ông. Trịnh Hoài Đức sau 40 năm làm quan được xem là bậc khai quốc công thần thế mà không có tư dinh riêng. Mãi đến năm 1823, khi ông lâm bệnh, dâng sớ xin vua trở về Phiên Trấn để tĩnh dưỡng. Vua Minh Mạng một mặt cho trích kho 2.000 quan xây tư dinh cho ông, vừa thảo một đạo dụ thiết tha ân cần mời ông ở lại giúp vua lo việc triều chính.

Thời đại của ông, đất nước Đại Việt đầy dẫy những bi kịch mâu thuẫn và chiến tranh liên miên. Dù ngự trị trên đài cao quyền lực, đường đường là nhất phẩm triều đình nhưng Trịnh Hoài Đức vẫn sống thanh đạm, giản dị. Trong huyết quản ông là hai dòng máu Hoa - Việt nhưng ông cuộc đời ông dành cho dòng máu Việt. Trịnh Hoài Đức yêu vùng đất đã cuu mang và ưu ái ông không chút hoài nghi và ông đã đem hết tâm huyết, tài năng, nghị lực của mình để phục vụ cho đất nước - quê mẹ của ông. Chính vì những tài đức đó mà ít có vị quan nào được vua ưu ái, nhân dân thương yêu, kính trọng như Trịnh Hoài Đức. Ông luôn xem mình là công dân của nước Đại Việt, ngay cả khi ông đi sứ sang Trung Hoa. Qua một bài trong “Bắc xứ thi tập” ông luôn hướng tình cảm của mình về Tổ quốc Đại Việt.

Cuộc đời làm quan của Trịnh Hoài Đức thật vinh hiển, ít người sánh được. Thật hiếm có một người nào được trọng dụng, giữ những chức vụ quan trọng trong triều như Trịnh Hoài Đức. Ông còn là chánh chủ khảo cho những kỳ thi Hội ở Huế. Tài năng và nhân cách, đức độ của ông là một tấm gương sáng bấy giờ. Làm quan đến chức cực phẩm mà vẫn sống giản dị, thanh cao, chỉ biết quên mình lo việc ích nước, lợi dân.

Tuy làm quan to nhưng Trịnh Hoài Đức luôn là người ưu thời mẫn thế, sống thanh cao, giản dị cả đời chỉ gắn bó với nhân dân và đất nước. Ít có vị quan nào cùng lúc được lòng vua mà vẫn được nhân dân thương yêu toàn vẹn như Trịnh Hoài Đức. Ông yêu và luôn mang ơn vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai đã luôn ưu ái ông và ông đã đem hết tâm huyết, tài năng, nghị lực phục vụ cho đất nước - quê người mẹ kính yêu của ông.

Trịnh Hoài Đức là người gốc Minh Hương, nhưng ông luôn gắn bó với vùng đất Nam bộ nói riêng, đất nước Việt Nam nói chung, miền quê hương đã nuôi dưỡng ông. Tình cảm của ông bộc lộ bằng nhiều bài thơ, trong đó nếp sống người dân miền thôn dã đã được quan sát tỷ mỉ và ghi nhận một cách tinh tế. Có thể nói ông đã hòa đồng tâm hồn mình với sinh hoạt miền quê bởi vì nó yêu mến, có cảm thấy thân thuộc với những hoạt cảnh chung quanh mới ghi lại được những hình ảnh tế vi, những công việc tầm thường, không tên của người dân vùng rẫy bãi. Trong thơ ông, người đọc gần như không thấy cảnh mùa thu bên Trung Quốc, cảnh tuyết rơi, cảnh liễu rủ những cảnh nhà thơ không thấy mà tả, trái lại thơ ông là một bức ảnh chụp đời sống, công việc của đồng quê với những cố gắng tranh thủ cùng thiên nhiên để tự tồn của những người dân đi khai phá vùng đất mới.

Tình cảm của ông đối với vùng quê nơi ông trú ngụ bộc lộ ở cả những chi tiết nhỏ nhất của địa phương: Một cái chợ nhỏ, một cây cầu trong xóm, một con sông, một vọng gác, một ánh lửa chài. Ông yêu mến những thứ đó và cho rằng cuộc sống hiền hòa, bình dị sung túc của dân địa phương có được nhờ sự cần mẫn làm việc.

Trong bài Lộc động tiều ca (tiếng hát ông tiều ở Hồ Nai) tả một ông tiều hát dân ca ở một địa điểm xác định, Hồ Nai. Niềm vui lao động ở đây được gửi vào tiếng hát hòa nhịp với tiếng rìu chặt cây, hòa nhịp với tiếng suối chảy, quện vào đám mây bay. Tiếng hát mộc mạc cũng

như cuộc sống giản dị của ông tiều, hòa đồng với thiên nhiên, hồn nhiên và phác thực không bợn mùi phù hoa, danh lợi.

Trịnh Hoài Đức là người giàu tình cảm, khi lánh nạn sang đất Biên Hồ, ông nhớ nhung quê hương, nhớ thương quyến luyến vợ con. Tình cảm ấy được thể hiện qua hai bài thơ: *Thu nhật khách trung tác* (Mùa thu đất khách cảm tác) và bài thơ *Hoài Nội* (Nhớ vợ)

Trong bài thơ Nhớ vợ ông viết:

Hồ hải đông lưu điện sử ôn,
Hồi lan kim ngọc được giang đồn.
Chế lãng sơn thủy nhiều yên chương,
Gia định hương quang nhập mộng hồn.
Phi thị bạch tần đầu sở khách,
Hà đương thanh thảo oán vương tôn.
Dương châu ky hạc thành hư vọng,
Hối bất Trần Khanh lạc quán viên.

Tạm dịch:

*(Biển hồ cuộn cuộn về đông,
Cá sấu quẫy, cá lợn tung sóng tràn.
Chế lãng chương khí ngút lan,
Mộng về Gia Định bàn hoàn tình quê.
Bãi tần đừng mãi nép kê,
Cỏ xanh, sao chẳng trở về, vương tôn?
Dương Châu mộng hão thêm buồn
Hối không gánh nước tưới vườn chung vui.)*

Trịnh Hoài Đức cũng là người nặng tình cảm với bạn bè. Trong bài *Ký Hoàng Ngọc Uẩn Hối Sơn Chân Lạp hành* (Bài hành Chân Lạp gửi Hoàng Ngọc Uẩn, hiệu Hối Sơn), ông viết:

Viên mai tiêu bạch cúc trừu hoàng,
Phồn tháp trần sinh thảo mộng mang.
Đắc lộ côn bằng nam đồ hải,

Ly quần hồng nhận dạ minh sương.

Thạch thành túy phông chung mai tích,

Kim tháp nhàn bình bố hệ phương.

Lao ngã Dữu lâu tần ý vọng,

Thê mê lĩnh thụ thủy thương mang.

Dịch nghĩa:

(Mai rụng trắng, cúc nhú vàng,

Gi vòng Phôn bụi đóng, mộng xoàng cũng say.

Côn bằng vượt biển tung mây,

Đêm nghe hồng nhận lạc bầy kêu thương.

Thạch thành câu hỏi dấu chôn chuông,

Chuyện bàn vải buộc tháp vàng khỏi trôi.

Nhọc ta lâu Dữu trông vời,

Cây thời mò mịt, nước thời mênh mang.)

Khi nghe tin Ngô Nhơn Tĩnh mắc tiếng oan mà không sao giải tỏa được, uất ức thành bệnh rồi mất năm 1813, Trịnh Hoài Đức làm thơ khóc bạn, trong đó có câu: *Bất bạch chi oan tử khả ai*. (Nỗi oan không giải tỏ được chết đáng thương thay). Thấy rõ cảnh gập ghềnh trên hoạn lộ, trò vu cáo hãm hại nhau giữa các bạn đồng liêu, ông chán nản muốn cáo quan về hưởng nhàn mà không được. Trong bài *Tửu điểm xuân du* (Xuân chơi quán rượu) ông ca ngợi thú rượu thơ, thông dong không vương bận. Và vì sự ghen ghét, gièm pha của một số võ tướng có công trên trận mạc, cho rằng có thể trị nước bằng hành động quân sự và pháp luật hà khắc, không cần đến văn hóa, đạo lý, không hiểu như Lục Giả “có thể ngồi trên mình ngựa mà lấy được nước, không thể ngồi trên mình ngựa mà trị nước”, Trịnh Hoài Đức có lúc đã chán nản, định từ quan đi ở ẩn. Nhưng nghĩ đến trách nhiệm đối với dân, với nước, phải lo sao xây dựng một nền văn hóa và đạo lý làm cơ sở tinh thần cho cuộc xây dựng và phát triển kinh tế làm cho dân giàu nước mạnh, ông lại một lần nữa gác bỏ ý định hưởng nhàn.

Đất yên cõi Việt rùng nho rậm,

Trời giúp nhà Ngu biển thánh cao.

Mới biết tài non đến nợ nước,

Dám đâu nói chuyện ẩn nguồn dào.

Yêu mến, thân thuộc với sinh hoạt đồng quê vùng Gia Định để đem những hình tượng này vào thi phẩm mình, Trịnh Hoài Đức vẫn thấy chưa đủ, ông còn sống với những sinh hoạt đó, đi xa ông tưởng nhớ và muôn gặp lại, ông hình dung trong trí những phong cảnh nơi mình đã từng sống, từng thân thiết và tự hỏi ở quê nhà có ai thưởng thức các cảnh đẹp đó không.

Nhìn chung, thơ của danh nhân Trịnh Hoài Đức thường là thơ thất ngôn bát cú; và đề tài thường là “trữ tình”, hay miêu tả “cảnh vật, sinh hoạt” của nhân dân ở những nơi ông ở hoặc đi qua. Triều Nguyễn đã đánh giá cao về ông: “Đức là người cẩn thận, phong độ, trầm tĩnh, nghiêm chỉnh, học vấn rộng, nghị luận thường giữ đại thể, đức nghiệp văn chương, đời phân tôn trọng”. Qua một số thi phẩm Trịnh Hoài Đức sáng tác ta thấy được phần nào con người của ông, một con người nhiều tình cảm: Yêu mến thiên nhiên, thân thuộc với sinh hoạt của vùng quê Nam bộ. Bộc lộ tình thương với nhân dân, với bạn hữu và với những người xung quanh.

Rất khiêm tốn, Trịnh Hoài Đức luôn tự nói mình không có công chống tuyết che sương cứu giúp cho đời, mà chỉ đem công phu hàm dưỡng, mang lại lợi ích cho mọi người trong lĩnh vực học vấn và đạo đức. Bài thơ mở đầu *Cán Trai thi tập, Liên (Sen) cũng là sự ký thác lý tưởng và tâm hồn của ông:*

Đầu tuyết ủy mai tiên,
Kính sương lưu cúc hậu,
Tự hành hồ hạ thời,
Trường dưỡng thiên niên ngẫu.

Dịch nghĩa:

(Trước , nhờ mai chọi tuyết,

Sau, dành cúc giải sương.

Hành xử trong mùa hạ,

Nuôi ngọc nghìn năm trường.)

Có thể nói chỉ riêng trong lĩnh vực sử học, địa lý và văn học, bộ sách *Gia Định thành thông chí* và *Cán Trai thi tập* cũng có giá trị lâu dài như mầm sen nghìn năm. Mặc dù là người

Minh Hương, nói theo Mạc Thiên Tích, Trịnh Hoài Đức còn làm thơ Nôm, đó là điều hết sức đáng quý, có những tác giả thơ Nôm như Phan Thanh Giản, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Nguyễn Văn Lạc, Lê Quang Chiểu... Riêng về văn học Hán Nôm Gia Định Đồng Nai, Trịnh Hoài Đức vừa là người mở đầu vừa là người xuất sắc nhất.

IV. NHỮNG HÌNH ẢNH VỀ DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC Ở BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI



Tượng thờ Danh nhân Trịnh Hoài Đức



Văn miếu Trấn Biên nơi thờ danh nhân Văn hóa Trịnh Hoài Đức



Lăng mộ Trịnh Hoài Đức và chánh thất phu nhân họ Lê



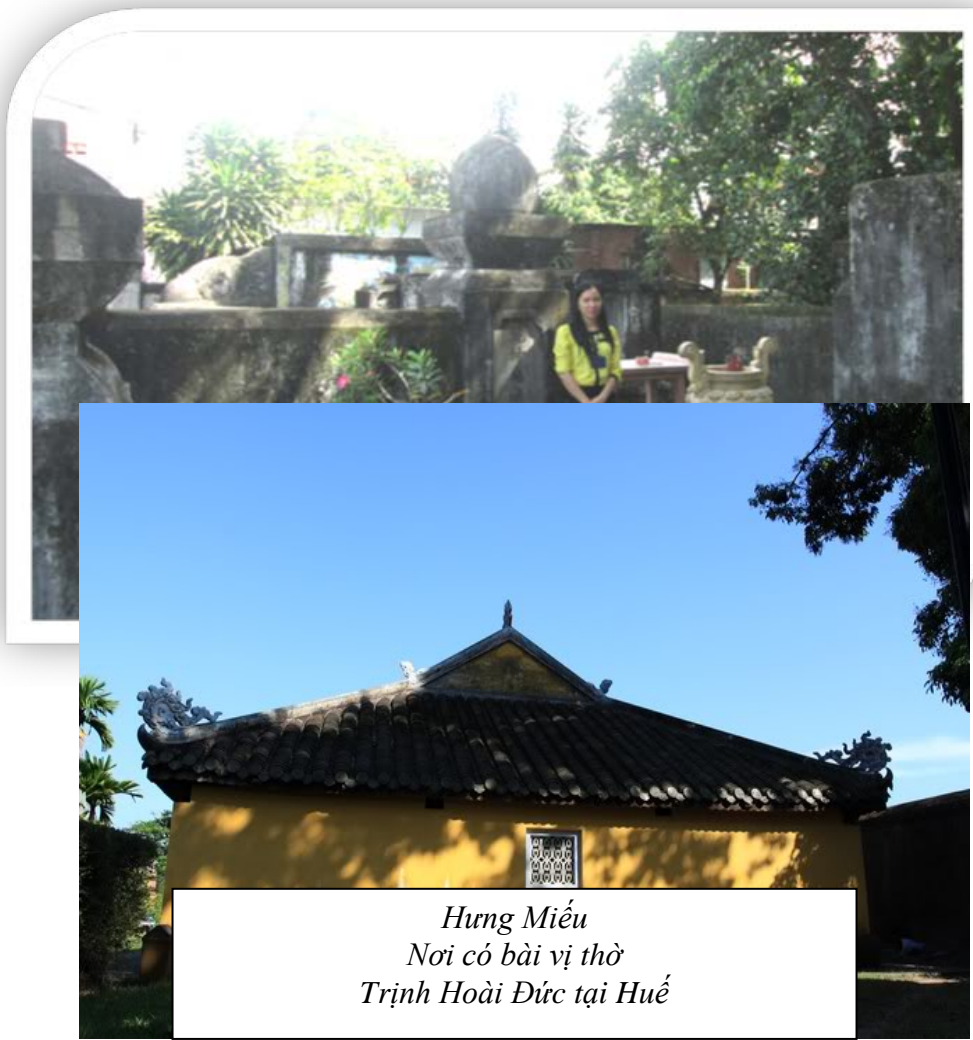
Tác giả tại gian thờ danh nhân Trịnh Hoài Đức và các danh nhân văn hóa miền Nam tại Văn miếu Trấn Biên (thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)



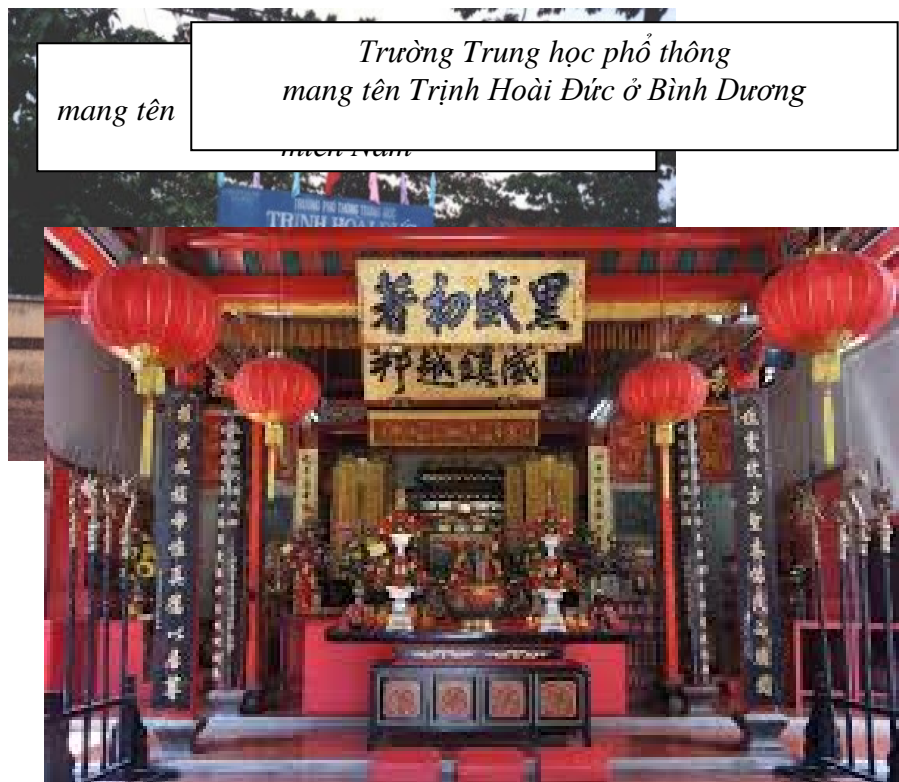
*Tác giả tại phòng trưng bày
di sản liên quan đến danh nhân Trịnh Hoài Đức
(Bảo tàng Đồng Nai)*



Tác giả tại trường tiểu học Trịnh Hoài Đức tại phường Trung Dĩnh, thành phố Biên Hòa



*Hưng Miếu
Nơi có bài vị thờ
Trịnh Hoài Đức tại Huế*



mang tên

Trường Trung học phổ thông mang tên Trịnh Hoài Đức ở Bình Dương

*Đình Minh Hương Gia Thạnh (Tp.HCM)
Nơi thờ Trịnh Hoài Đức cùng các danh nhân*

CÂU 2:

Cảm nhận từ tám gương đại biểu Quốc hội tỉnh

Đồng Nai Hoàng Minh Châu

(Đại biểu Quốc hội khóa I, năm 1946)



Chân dung Đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu



Con đường mang tên Đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu

I. VÀI NÉT VỀ BÀU CỬ QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN Ở BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI

Ngày 6-1-1946, đánh dấu một sự kiện hết sức quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam khi lần đầu tiên người dân của một nước Việt Nam dân chủ vừa giành được độc lập từ tay thực dân, đế quốc xâm lược, thông qua lá phiếu của mình để trực tiếp lựa chọn, bầu ra những người có đức, có tài vào Quốc hội khóa I. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đó cũng đã đánh dấu sự ra đời của Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cho đến nay Quốc hội đã trải qua 13 nhiệm kỳ hoạt động gắn liền với lịch sử đấu tranh, bảo vệ, xây dựng và phát triển của đất nước.

Gần bờ sông Đồng Nai đoạn chảy qua thành phố Biên Hòa có con đường nhỏ mang tên Hoàng Minh Châu. Ông chính là đại biểu quốc hội khóa đầu tiên của tỉnh Biên Hòa xưa. Tuy ông qua đời ở tuổi còn rất trẻ, nhưng cuộc đời hoạt động cách mạng của Hoàng Minh Châu sáng ngời như một ánh sao băng.

Ở Đồng Nai cách đây 70 năm, ngày 6-1-1946 nhân dân tỉnh Biên Hòa (trừ làng Bình Trước thuộc quận Châu Thành đang bị thực dân Pháp kiểm soát) lần đầu tiên trong đời được trở thành cử tri, nô nức tham gia bầu cử Quốc hội. Tại các điểm bỏ phiếu ở Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Xuân Lộc... đều được trang trí trang trọng, có công chào treo cờ đỏ sao vàng với các khẩu hiệu bày tỏ nguyện vọng và quyết tâm của người dân vừa đứng lên làm chủ vận mệnh đất nước. Các ông Hoàng Minh Châu, Nguyễn Văn Nghĩa, Phạm Văn Búng, Điều Xiêng đã được bầu làm Đại biểu Quốc hội đầu tiên của đơn vị tỉnh Biên Hòa. Nhân sự kiện cả nước hướng về bầu cử quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới. Tôi xin được trình bày cảm xúc của mình về nhà chiến sĩ cách mạng, đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu nhằm góp một phần nhỏ bé của mình để cảm ơn sự đóng góp to lớn của ông đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng và sự nghiệp cách mạng cả nước nói chung.

II. TIỂU SỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU

Hoàng Minh Châu sinh năm 1911 mất năm 1948, tên thật là Nguyễn Thành Vĩ, là con trai thứ tư của ông hào Trí – một phú gia có tên tuổi ở làng An Tường, quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh). Vốn mang họ Bùi với cô tổ là Cụ Bùi Quý, một lưu dân vùng Ngũ Quảng vào vùng

đất hoang ven sông Cổ Chiên lập nghiệp. khi đã trở nên giàu có, có của ăn của để và trở thành hương hào làng An Trường, ông Bùi Văn Trí đổi qua họ Nguyễn: Nguyễn Văn Trí. Vì thế làng lính, dân đình ở An Trường gặp ông cứ một hai: “bẩm ông hào Trí”. Anh vợ hào Trí là Tám Đờn, cũng là hương giáo. Do vậy, dù đi học ở trường tiểu học Càng Long gần nhà, cậu Tư Vĩ cũng ngồi xe ngựa và đến khi vào học trường trung học ở tỉnh lỵ Trà Vinh, cách nhà đến 20km, mỗi tuần cậu Tư đều có xe nhà đón rước hẳn hoi. Năm 1930 vừa 18 tuổi, cậu Tư thi đậu bằng diplome, làm cho chủ quận Càng Long là đốc phủ Hồ Văn Trung (tức nhà văn Hồ Biểu Chánh) hết lời khen ngợi. Đốc phủ Trung mời Nguyễn Thành Vĩ ra làm quan Đốc phủ Trung mời ông ra làm quan đốc học, nhưng không ngờ ông lại từ chối. Không phải ông chê công việc mà vì ông không muốn làm việc cho Pháp.

Thấy con trai không chịu ra làm quan mà thường hay đi vắng và lúc về còn mang theo cả chồng báo rồi cắt dán đầy trên gác, lại còn nghe nói “Cậu Tư Vĩ” còn giao du với thầy giáo Châu Văn Liêm và mấy ông “cộng sản” như Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp.. Ông hào Trí sợ và giận. Ông quyết định bắt con trai phải cưới vợ để cầm chân.

III. QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU

Từ lúc ông hào Trí dặt Nguyễn Thành Vĩ (Hoàng Minh Châu) sang làng Nhị Long để coi mắt cô nữ sinh Nguyễn Thị Khê mới 17 tuổi cho đến khi làm một tháng đã tổ chức đám cưới. Có một điều mà ông hào Trí không ngờ là xã An Trường có phong trào cách mạng đang sục sôi. Năm 1927, chi bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội đầu tiên của Càng Long được thành lập. Sau đó, Kỳ bộ Thanh niên đã bố trí cho hai thanh niên của An Trường là Nguyễn Văn Lẹ và Nguyễn Phát Đạt sang tận Quảng Châu (Trung Quốc) học lớp huấn luyện của Tổng bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Vào giữa tháng 3 năm 1930, tức là sau ngày thành lập xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư chưa đầy một tháng thì ngay tại An Trường, đồng chí Ung Văn khiêm cùng Bí thư Đặc khu ủy Hậu Giang Hà Huy Giáp đã về tận nơi để thành lập chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh Trà Vinh. Đó là chi bộ An Trường trực thuộc đặc khu ủy Hậu Giang. Ngày 1/8/1930, Chi bộ An Trường đã tổ chức một cuộc mít tinh

tuần hành có quy mô lớn thu hút khoảng 4.000 đồng bào các dân tộc Kinh, Khơ me, Hoa ở Càng Long đến sân banh ấp 3, xã An Trường giương cao biểu ngữ: “*Hoan nghênh Đảng cộng sản Việt Nam ra đời*”. Cuộc biểu tình bị chủ Trà Vinh Landoron và cò Vatin mang lính đến đàn áp, gây đổ máu, nhưng lần đầu tiên yêu sách của nông dân Càng Long được nêu lên công khai, gây tiếng vang lớn trong cả nước.

Không chỉ tham gia cuộc biểu tình vì nằm trong đường dây bí mật của xứ ủy và chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy viên Hà Huy Giáp nhưng “Cậu Tư” Nguyễn Thành Vĩ vẫn nắm khá rõ diễn biến và phương pháp tổ chức cuộc biểu tình này.

Một năm sau khi lấy vợ, Nguyễn Thành Vĩ đã có đứa con trai đầu lòng. Ông vui mừng đặt tên con là Nguyễn Thành Chánh. Công tác cách mạng sau đó cứ cuốn hút ông. Trong thời gian này ông được Hà Huy Giáp rất quý mến. Hà Huy Giáp xem đây là vốn quý của cách mạng – một trí thức trẻ có bằng diplome hết sức hiếm hoi của Trà Vinh và cả các tỉnh miền Tây, nên thường cho theo mình lặn lội khắp Cần Thơ, Rạch Giá, Bến Tre, Trà Vinh... Ngay đến việc Nguyễn Thành Vĩ chọn tên hoạt động cách mạng là Hoàng Minh Châu một cách khá lãng mạn ông cũng đồng ý. Và khi có yêu cầu của xứ ủy về việc tăng cường cho miền Đông đang gặp khó khăn trong phong trào cách mạng, Hà Huy Giáp đã cử Hoàng Minh Châu đến Liên Tỉnh ủy miền Đông.

Trước sự phát triển của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo trong những tháng đầu năm 1930, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp khốc liệt. Chúng thẳng tay tàn sát những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước. Từ tháng 10-1930, nhiều cơ sở Đảng ở Nam Kỳ bị phá vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị địch bắt, giết hại, tù đày. Phong trào cách mạng nói chung và phong trào cách mạng ở Biên Hòa nói riêng bước vào giai đoạn “thoái trào” tạm thời lắng xuống.

Tại Biên Hòa, phong trào cách mạng phát triển trong những năm 1929- 1930 đã tác động, ảnh hưởng lớn trong các tầng lớp nhân dân, nhất là số thanh niên tiến bộ trong tỉnh. Nhiều người đã giác ngộ cách mạng, được kết nạp vào Đảng. Trong số đó có người thanh niên yêu nước Lưu Văn Viết (Tư Chà) quê ở xã Bình Phước, quận Châu Thành tỉnh Biên Hòa.

Sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch khủng bố, năm 1931 đồng chí Tư Chà đã trở về Biên Hòa tiếp tục hoạt động cách mạng. Dưới lớp áo người đi bán bánh mì, đồng chí đã đi nhiều nơi trong tỉnh để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, xây dựng cơ sở, đồng chí đã giác ngộ người em trai của mình là Lưu Văn Văn (Chín Văn), làm việc trong nhà thương điên Biên Hòa kết nạp vào Đảng Cộng sản. Tại Bến Cá, đồng chí đã kết nạp đồng chí Huỳnh Văn Phan (Tư Phan), Lưu Văn Văn... vào Đảng.



Di tích lịch sử địa điểm thành lập chi bộ Cộng sản Bình Phước – Tân Triều tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu

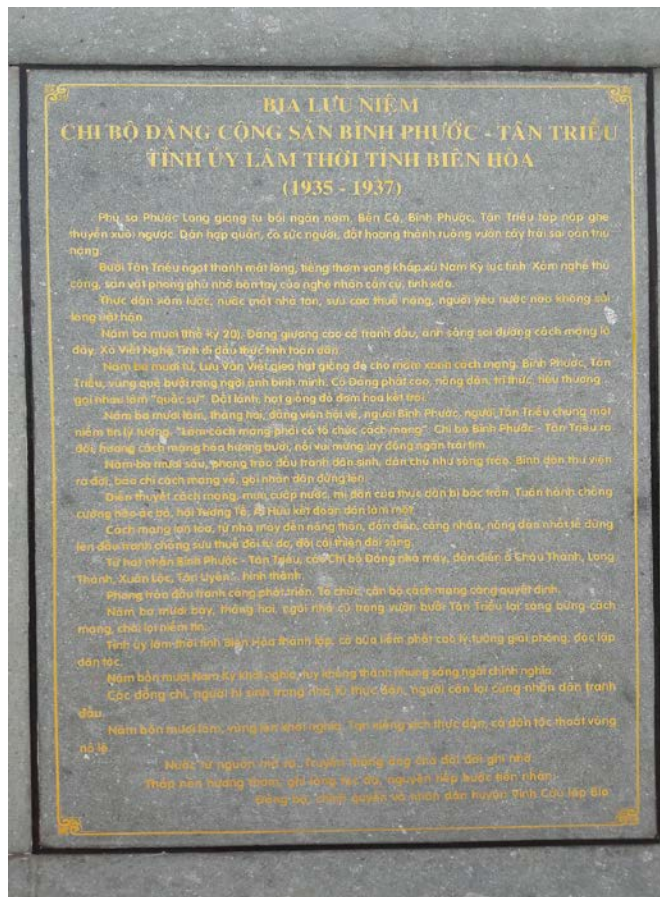
Đầu năm 1935, Hoàng Minh Châu (tức Nguyễn Thành Vĩ) được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Ông xin vào làm thợ ở nhà máy cơ khí Trường Tiền (tỉnh lỵ Biên Hòa). Từ đây, ông đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở Đảng trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với cơ sở đảng do đồng chí Lưu Văn Viết tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng lấy tên là chi bộ Bình Phước-Tân Triều (vì phần lớn đảng viên quê ở hai xã này). Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, Huỳnh Văn Phan làm phó Bí thư. Các đảng viên gồm: Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn, Quách Sanh, Trần Minh Triết... Sau đó, một số thanh niên ưu tú tiếp tục được kết nạp Đảng như: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Sanh, Huỳnh Văn Lũy...



Di tích lịch sử Bình Phước – Tân Triều xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu

Để mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và xây dựng cơ sở cách mạng, chi bộ đã tổ chức “Liên đoàn học sinh” ở trường tiểu học Bình Hòa (quận Châu Thành). Thông qua hoạt động của tổ chức này, các đồng chí đã giác ngộ và kết nạp được một số thanh niên ưu tú vào Đảng trong đó có các đồng chí Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh vào năm 1935.

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước – Tân Triều và các cơ sở của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một dấu mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới cho phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này.



Bia tưởng niệm chi bộ Đảng cộng sản Bình Phước - Tân Triều tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu

Năm 1936, Xứ ủy Nam Kỳ và Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội vừa thành lập tại Sài Gòn đã cử đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng đang phát triển mạnh. Hoàng Minh Châu bàn giao nhiệm vụ cho Nguyễn Văn Nghĩa và quay về Trà Vinh. Thêm một đứa con trai nữa của ông được ra đời, được đặt tên là Nguyễn Thành Đệ.

Tại quê hương ông trong thời gian này, không khí đấu tranh cách mạng sôi “động khắp vùng nông thôn Càng Long, Chỉ trong năm 1937, xã An Trường đã mở ra đến 5 cuộc đấu tranh biểu tình. Trong đó nổi cộm là vụ mít tinh rồi chuyển thành biểu tình rầm rộ của hàng ngàn người giương cao 4 lá cờ đỏ búa liềm và các biểu ngữ “tự do tổ chức, tự do báo chí”, “thả tù chính trị”, bãi bỏ thuế thân” ở ấp 7, xã An Trường do Hoàng Minh Châu cùng các đảng viên nòng cốt ở đây tổ chức. Lúc đầu tên chủ quận chấp nhận yêu sách, hứa sẽ giải quyết. Sau đó

hấn trở mặt, cho bắt 68 người giam vào khám lớn Trà Vinh rồi đưa 6 người tuyên án mỗi người 3 năm tù giam, trong đó có Hoàng Minh Châu.

Ngày 4 tháng 4 năm 1937, một cuộc biểu tình lớn hơn lại nổ ra ở Càng Long để đòi trả tự do những người bị địch bắt. Trước áp lực của của Hội tế xã, hương hào Nguyễn Văn Chí đành phải tuyên bố từ đưa con theo cộng sản. Nhưng phong trào cách mạng ở An Trường vẫn tiếp tục lan rộng và lớn mạnh. Có lúc Đảng bộ An Trường một cuộc biểu tình lên đến 1.198 đảng viên. Người con trai kế của ông hào Trí là Nguyễn Thành Công, thoát ly gia đình tham gia kháng chiến. Con dâu ông hào Trí là cô Tư Khuê (vợ của Hoàng Minh Châu) mặt dù phải nuôi hai con nhỏ và chồng đang ở tù ở khám lớn Trà Vinh rồi chuyển lên khám Sài Gòn, nhưng vẫn bí mật tham gia công tác phụ nữ ở An Trường và trở thành Hội trưởng phụ nữ huyện Càng Long. Khi mãn hạn tù, Hoàng Minh Châu không trở lại An Trường mà tìm đến với cơ quan xử ủy.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ không thành, giặc Pháp khủng bố khốc liệt đối với làng An Trường. Chúng lung sục gắt gao hai anh em Nguyễn Thành Vĩ (tự Hoàng Minh Châu) và Nguyễn Thành Công và xếp nhà ông hào Trí vào diện gia đình cộng sản. Tên Đội Can nổi tiếng hung ác ở Càng Long thường đến nhà Nguyễn Thành Vĩ để tra hỏi tung tích của chồng bà Tư Khê. Bà Tư Khuê thường tìm cách nói khéo rằng chồng đã bỏ mấy mẹ con để đi theo vợ bé rồi. Thế nhưng trong những trận ruồng bố ở An Trường bị đòn đau của dân quân du kích, chúng đều đến nhà ông hào Trí đòi đốt. Ông hào Trí phải nhiều lần đem danh nghĩa hương hào cùng tiền, vàng mới giữ ngôi nhà ở đất Tràng An.

Thực hiện lời tuyên bố công khai của toàn quyền Catroxa ngày 04/1/1940: Chúng ta đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức cộng sản. Trong cuộc đấu tranh này phải tiêu diệt cộng sản Đông Dương mới được yên và mới trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng. Tình thế chiến tranh buộc chúng ta hành động không một chút thương tiếc, bọn giặc ra tay đàn áp đẫm máu đồng bào, chiến sĩ cách mạng.

Từ năm 1941 đến năm 1943, là thời kỳ hết sức khó khăn đối với các Đảng bộ cộng sản ở Nam bộ. Xứ ủy và các Liên Tỉnh ủy bị phá vỡ và lập lại nhiều lần. Phần lớn cán bộ đảng viên bị bắt, tù đày... một số phải chuyển lánh về nông thôn, đồn điền cao su ẩn náu.

Đến năm 1943, các đồng chí Nguyễn Văn Nghĩ, Phạm Văn Búng, Phạm Văn Khoai, Lê Thái, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký, Huỳnh Văn Lũy, Quách Sinh, Ngô Hà Thành... vượt ngục Tà Lài, Rà Bá hoặc từ nơi tạm lánh trở về móc nối, liên lạc với nhau, bước đầu hình thành các nhóm, các tổ chức Việt Minh ở một số địa phương thuộc Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành và ngay cả trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa (xã Bình Trước). Cùng lúc, đồng chí Hoàng Minh Châu lại được Xứ ủy cử về lại Biên Hòa hoạt động làm việc ở sở Trường Tiền (sau năm 1975 là nhà máy đại tu ô tô). Đồng chí đã xây dựng được một Chi bộ Đảng tại đây và tổ chức một số cơ sở ở nơi khác như ga Biên Hòa, Tân Phong, Hóa An, Tân Hạnh, Tân Bình... Lần này cùng đi với nhà hoạt động cách mạng 32 tuổi này là nữ đồng chí Hai Khê (Trần Thị Khuê là người vợ thứ hai của Hoàng Minh Châu), 29 tuổi cùng cô con gái đầu lòng của họ tên là Nguyễn Thị Lang. Hai chiến sĩ cộng sản cùng quê ở Trảng An đã gắn bó số phận với nhau thành một gia đình qua quá trình hoạt động cách mạng bí mật chung với nhau.

Nhà cách mạng Hoàng Minh Châu trở lại Biên Hòa vào giữa năm 1943, lần này ông có nhiều thuận lợi hơn vì đã có sẵn mối quan hệ từ trước. Nơi ông làm việc vẫn là Sở Trường Tiền thuộc Ty Kiềm lộ Biên Hòa. Một thời gian sau ông đã tuyên truyền và giác ngộ được một số công nhân. Đến cuối năm 1943, Hoàng Minh Châu đã kết nạp 5 công nhân ưu tú vào Đảng và thành lập chi bộ Trảng Tiền. Những đảng viên trong chi bộ Trường Tiền lại bung ra móc nối, xây dựng mạng lưới cơ sở Hóa An, Tân Phong, Tân Mai, Bửu Long, Tam Hiệp... Từ đó khí thế cách mạng của nhân dân Biên Hòa trở nên sôi động. Đã tập hợp thành các cơ sở Đảng vững chắc đưa phong trào quần chúng ở Biên Hòa cùng với cả nước đồng lòng đứng lên khởi nghĩa giành lấy chính quyền trong những ngày đầu mùa thu lịch sử năm 1945.

Giữa năm 1944, do có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chi bộ sở củi Trảng Bom và chi bộ nhà máy BIF, ta vận động được công nhân các khâu: khai thác, vận chuyển, cưa xẻ đã làm vỡ kế hoạch 15.000 mét khối gỗ cung cấp cho Nhật. Từ cuối năm 1944, nhiều đảng viên lần lượt

trở về các xã Bình Trước, Tân Mai, Hóa An sinh sống và hoạt động. Tại Hóa An có đồng chí Sáu Quảng và bà Ba Ngọc (còn gọi là bà má cộng sản). Tại Tân Mai có đồng chí Hồ Hòa; tại Tân Phong có đồng chí Chín Văn; đặc biệt tại Bình Trước là có nhiều đảng viên hơn, như : Hoàng Minh Châu, Ký, Hồ Văn Đại, Ngô Hà Thành, Nghĩa, Khoai. Tại Tam Hiệp có Huỳnh Văn Hớn, Quách Sanh... Cơ sở cách mạng tại các xã được khôi phục. Chi bộ Trường tiên⁽⁶⁾ hình thành và kết nạp được 5 đảng viên mới. Một số cuộc đấu tranh trong tình hình mới do các đồng chí tổ chức, vận động đã được tiến hành.

Trong quá trình hoạt động và xây dựng cơ sở, tổ chức Đảng hình thành và phát triển là do một số đảng viên bằng nhiều con đường liên lạc khác nhau mà hình thành nhiều bộ phận ở các địa phương trong tỉnh Biên Hòa. Sự chỉ đạo từ bên trên cũng không thống nhất. Tuy vậy, tất cả các nhóm đều thống nhất một mục tiêu là tuyên truyền giáo dục, tổ chức quần chúng, xây dựng cơ sở Đảng, xây dựng lực lượng chính trị để tiến lên giành chính quyền. Khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân được khơi dậy ở các địa phương trong tỉnh.

Đảng kịp thời lãnh đạo, tổ chức xây dựng các hình thức hoạt động hợp pháp công khai và nó thực sự trở thành lực lượng chính trị đông đảo trong khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám ở Biên Hòa.

Để kịp thời lãnh đạo, tổ chức quần chúng đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền, Liên tỉnh ủy miền Đông triệu tập Hội nghị vào tháng 5 năm 1945 tại ấp Vĩnh Cửu - Tam Hiệp - Biên Hòa, với các đại biểu của Đảng bộ Tây Ninh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định để phổ biến tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng. Các đồng chí Hoàng Minh Châu và Huỳnh Văn Hớn đại biểu Đảng bộ Biên Hòa tham gia hội nghị.

Tiếp đó, tháng 7 năm 1945, tại chùa Tân Mai, đồng chí Hà Huy Giáp, đại diện Xứ ủy Nam Kỳ đã họp với các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Phạm Văn Búng, Đặng Nguyên, phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng cả lực lượng chính trị và vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là cuộc họp quan

⁽⁶⁾ Trường tiên: cơ quan chuyên sửa sang đường sá giao thông công cộng (tức Ty công chánh, có lúc gọi là Ty Kiềm lộ)

trọng, là cơ sở để đoàn kết các đảng viên cộng sản trong các nhóm khác nhau, tạo ra sự thống nhất hành động trước thời cơ mới.

Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền phong trong tỉnh, tập trung vận động nhân dân chống phát xít Nhật và bọn phản động, vạch trần bộ mặt giả hiệu của chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật dựng lên và bọn Troskis ở Biên Hòa do tên Nguyễn Văn Thử cầm đầu.

Đến cuối tháng 7 năm 1945, lực lượng cán bộ, đảng viên có mặt tại thị xã Biên Hòa và quận Châu Thành gần 40 đồng chí. Đến lúc này, vẫn chưa có một tổ chức cấp ủy của tỉnh để thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng. Mọi việc hầu như tập trung vào nhóm đảng viên mạnh nhất có nhiều cơ sở do đồng chí Hoàng Minh Châu lãnh đạo. Tuy vậy, số cán bộ, đảng viên cũng phân bố khá đều xung quanh thị xã Biên Hòa. Tại Bửu Hòa, Hóa An có tác đồng chí Sáu Quang, nữ đồng chí Ba Ngọc. Trên khu vực dọc lộ 24 từ Tân Phong đến Thiện Tân có các đồng chí: Hai Đăng, Hai Đắc, Nghĩa, Khoai, Ba Thuận..v.v.. Tại khu vực Tân Mai, Tam Hiệp, Bến Gỗ có các đồng chí: Đăng Nguyên, Hoàng Bá Bích, Hoàng Đình Cận, Lưu Văn Văn, Hồ Văn Leo, Huỳnh Văn Hón... Tại trung tâm thị xã có các đồng chí: Lê Ngọc Liệu, Hoàng Minh Châu, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký... Đặc biệt tại khu vực xung quanh ga Biên Hòa, ngã ba thành, khu vực xung quanh chợ, xung quanh nhà máy cửa BIF, tổ chức quần chúng cách mạng rất đông và mạnh. Một số viên chức và tiểu chủ ta đã vận động họ tham gia hoạt động cách mạng như: Huỳnh Thiện Nghệ, Nguyễn Đình Ưu, Trần Văn Long, Ba Hiệp... Các cơ sở cách mạng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ được khôi phục. Một số người tốt như ông Giáo Thế thì nay hoạt động càng tích cực hơn. Nhà của Thầy giáo Thế là địa điểm hội họp, liên lạc của các đồng chí ta.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, tại nhà đồng chí Ngô Hà Thành ⁽⁷⁾, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền tại tỉnh lỵ Biên Hòa. Dự cuộc họp quan trọng này có các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón, Phạm Văn

⁷Dây phở Sáu Sừ, căn hộ đ/c Ba Thảo, Bí thư Thị xã Vĩnh An, đang ở (Quốc lộ 1) phường Trung Dũng.

Búng, Ngô Hà Thành, Hồ Văn Giàu, Lê Nguyên Đạt, Đặng Nguyên... Căn cứ vào những kế hoạch hướng dẫn của Xứ ủy, hội nghị đã quyết định các việc:

1) Cuộc khởi nghĩa sẽ làm trước ở thị xã Biên Hòa. Phân công một số đảng viên về các quân huy động lực lượng quần chúng về thị xã tham gia cướp chính quyền.

2) Liên lạc với quân Nhật, vận động chúng “án binh bất động” khi lực lượng cách mạng nổi dậy cướp chính quyền.

3) Hình thành Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Trưởng ban. Và dự kiến Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh, cũng do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch.

4) Giao trách nhiệm cho Kinh lý⁽⁸⁾ Nguyễn Văn Tàng vận động tên tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý giao chính quyền cho cách mạng một cách êm thấm. Giao đồng chí Sáu Đại và một vài đồng chí khác vận động lính mã tà, lính thủ hộ⁽⁹⁾... nộp súng cho cách mạng, tránh xung đột vũ trang.

5) Giao cho đồng chí Lê Ngọc Liệu và Nguyễn Đình Ưu đưa 500 người của thành phố Biên Hòa về Sài Gòn tham gia cướp chính quyền về đây.

6) Vận động nhân dân may cờ, khẩu hiệu, tự sắm lấy vũ khí; huy động thanh niên tiên phong làm nòng cốt và lực lượng xung kích trong công nhân, thanh niên thành phố Biên Hòa sẵn sàng hành động khi có lệnh khởi nghĩa.

Từ sáng sớm ngày 24 tháng 8 năm 1945, cờ đỏ sao vàng, cờ đỏ búa liềm của Việt Minh và cờ sao vàng đỏ của Thanh niên Tiền Phong đã được treo ở hăng của BIF, Nhà ga, Bưu điện...

Sáng ngày 26 tháng 8 năm 1945, hàng trăm đồng bào ở nội ô thị xã Biên Hòa dưới sự hướng dẫn của đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã kéo đến bao vây Tòa bố Biên Hòa¹⁰. Cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên ngay trung tâm đầu não của chính quyền tay sai của phát xít Nhật -

⁽⁸⁾ Kinh lý : Viên chức coi việc đo đạc ruộng đất, nhà cửa ở tỉnh (Trắc địa sư).

⁽⁹⁾ Lính thủ hộ : Lính chuyên gác ở các công sở, kho tàng của ngụy quyền (Garde civite locale).

¹⁰Nay là trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Lá cờ nhuộm thắm máu đào của các chiến sĩ và đồng bào từ thời Nam Kỳ khởi nghĩa trong tiếng hò reo vang dậy của đồng bào.

Sự kiện này diễn ra ngoài kế hoạch, nên Ủy ban khởi nghĩa yêu cầu dừng lại để xin ý kiến của đồng chí thanh tra chính trị miền Đông. Sau khi có chỉ đạo của đồng chí Dương Bạch Mai, Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu đứng đầu đến Tòa bố buộc Tỉnh trưởng bù nhìn Nguyễn Văn Quý “bàn giao” chính quyền cho nhân dân vào lúc 11 giờ cùng ngày. Tiếp đó đồng chí Hoàng Minh Châu, chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành lập ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, gồm các đồng chí: Hoàng Minh Châu Chủ tịch, Huỳnh Văn Hớn phó Chủ tịch, Nguyễn Văn Long phụ trách cảnh sát, Ngô Hà Thành ủy viên phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc, Nguyễn Văn Tàng, ủy viên phụ trách ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh. Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị của thực dân, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc.

Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi trong thời gian ngắn, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hoàng Minh Châu đã làm nhiều công việc có ý nghĩa. Đó là việc tuyên bố truất quyền sở hữu các đồn điền cao su, nhà máy, cơ sở chế biến lâm sản, xay xát lúa gạo... của chủ tư bản Pháp, Hoa giao cho nhân dân Biên Hòa làm chủ; tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho nông dân, bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế bất hợp lý khác do thực dân Pháp đặt ra. Đặc biệt, giảm thuế, giảm tô để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất.

Tuy nói là bàn giao nhưng thực chất là chính quyền bù nhìn và cả quan thầy của chúng là phát xít Nhật đã tê liệt từ sau khi Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân đồng minh. Bộ máy chính quyền này đã tan rã, không còn hiệu lực gì với nhân dân.

Sau khi tiếp quản, việc đầu tiên của Ủy ban khởi nghĩa là ra lệnh bắt giữ tên cò Phước chỉ huy lực lượng cảnh sát Biên Hòa, tịch thu gần 300 súng các loại và tiếp tục quản lý các công sở, kho tàng còn lại.

Sáng sớm ngày 27 tháng 8 năm 1945, hàng vạn quần chúng nội ô thị xã, các quận Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, đổ về quảng trường Sông Phố¹¹ tham dự lễ với đủ mọi tầng lớp già, trẻ, các tôn giáo, các đoàn thể cứu quốc, và cả binh lính của chế độ cũ tham gia.



Quảng trường Sông Phố - Nơi diễn ra cuộc mít tinh lớn ngày 17-8-1945, chào mừng Cách mạng thành công, Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa ra mắt

Tại cuộc mít tinh, đồng chí Dương Bạch Mai, Thanh tra chính trị miền Đông đã diễn thuyết trước đông đảo quần chúng. Đồng chí nói đại ý: kể từ hôm nay cùng với đồng bào cả nước, đồng bào tỉnh Biên Hòa đã thoát khỏi ách ngạ trâu, xóa bỏ được gông xiềng của 80 năm nô lệ. Nước Việt Nam từ nay đã có mặt trên bản đồ thế giới, không còn bị bọn Tây, Nhật miệt thị gọi là An-na-mít, không còn bị đè đầu cưỡi cổ, suu cao thuế nặng. Đồng bào hãy một lòng, một dạ đi theo cách mạng, theo mặt trận Việt Minh, theo chính phủ Việt Minh do chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo để đưa nước nhà tiến lên độc lập và tự do.

Tiếp theo đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa tuyên bố: từ nay chính quyền cách mạng của Việt Minh là của nhân dân. Kêu gọi đồng bào trong tỉnh cùng chung sức với chính quyền xây dựng chế độ mới. Đồng chí thông báo chính quyền nhân dân do Việt Minh lãnh đạo sẽ được ra mắt đồng bào trong vài ngày tới. Đồng chí yêu cầu đồng bào các quận, xã

¹¹[36] *Nay là trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.*

sau cuộc mít tinh này trở về địa phương tham gia cùng mặt trận Việt Minh thành lập chính quyền mới ở địa phương mình.

Đồng bào phấn khởi hô vang khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Việt Minh muôn năm” và chia thành nhiều đoàn đi diễu hành với đủ các lực lượng công nhân, nông dân, thanh, thiếu niên, học sinh, công chức, tín đồ, chức sắc các tôn giáo v.v... tay cầm cờ đỏ búa liềm, cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ tỏa ra các đường phố hô vang các khẩu hiệu chào mừng cách mạng thành công.

Đoàn người nối đuôi nhau diễu hành trên đường phố bất chấp mệt nhọc suốt cả buổi trưa.



Tòa bố Biên Hòa, dinh Tỉnh trưởng Biên Hòa. Tại đây ngày 26-8-1945, nhân dân ta đã treo cờ đỏ sao vàng, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ thực dân đế quốc, giành chính quyền về tay nhân dân

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định. Ngay tối ngày hôm đó, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy Nam bộ triệu tập cuộc Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa tại nhà Hội xã Bình Trước quận Châu Thành¹². Hội nghị gồm 40 cán bộ là những đảng viên từng hoạt động ở Biên Hòa trước năm 1945, một số đồng chí từ nhà tù Côn Đảo, Sài Gòn được Xứ ủy Nam bộ giới thiệu về. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành lâm thời

¹² Nay là nhà Bảo tàng thành phố Biên Hòa.

Đảng bộ tỉnh¹³ gồm 11 đồng chí: Trần Công Khanh - Bí thư, Hoàng Minh Châu - Phó Bí thư Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phan Đình Công - Ủy viên thường vụ phụ trách quân sự; các Tỉnh ủy viên: Lê Nguyên Đạt, Huỳnh Văn Hón, Hồ Văn Giàu, Đặng Nguyên, Ngô Hà Thành, Lê Thái...

Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ trước mắt:

Củng cố UBND tỉnh do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ tịch; các Phó Chủ tịch gồm các đồng chí Đặng Nguyên, Huỳnh Văn Hón (phụ trách tuyên truyền), Ủy viên quân sự Phan Đình Công, Ủy viên quốc gia tự vệ cuộc Ngô Hà Thành, Thư ký Nguyễn Văn Tàng (kinh lý Tàng). Cử các đoàn cán bộ tỉnh về thành lập các quận ủy¹⁴.

Xây dựng Mặt trận Việt Minh tỉnh do đồng chí Hồ Hòa làm Chủ nhiệm, đồng chí Huỳnh Văn Lũy, Phó Chủ nhiệm, phụ trách cả tổ chức Nông dân cứu quốc, xây dựng Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, huy động sức người sức của cho kháng chiến; tổ chức Công đoàn tỉnh do đồng chí Trịnh Trọng Tráng phụ trách; củng cố các ủy ban tự quản ở các đồn điền cao su.

Tổ chức trường huấn luyện quân sự để xây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến.

Sau Hội nghị, Tỉnh ủy triển khai thành lập các quận ủy Châu Thành, Tân Uyên, Long Thành, cử đồng chí Lê Ngọc Liệu (Ba Liệu) làm trưởng đoàn về Xuân Lộc chuẩn bị thành lập quận ủy và tiến hành các công tác chuẩn bị cho kháng chiến.

¹³ Hội nghị bầu Ban chấp hành bằng hình thức đưa tay.

¹⁴ Quận châu Thành: bí thư: đồng chí Hồ Văn Leo, phó bí thư: đồng chí Mai Bửu Mạnh.

Quận Tân Uyên: bí thư: đồng chí Lê Thái (Năm Thái), phó bí thư: đồng chí Nguyễn Văn Thăng (Bảy Thăng).

Quận Long Thành: bí thư: đồng chí Trịnh Văn Dục (Ba Dục), phó bí thư: đồng chí Vũ Hồng Phô (Sáu Khánh)



Nhà Hội Bình Trước – Nơi diễn ra cuộc hội nghị thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa tháng 9 năm 1945 (nay là Nhà Bảo tàng TP. Biên Hòa)

Ngày 24 tháng 10 năm 1945, quân Pháp có quân Anh yểm trợ dùng chiến xa mở đường vượt cầu Ghềnh đánh thị xã Biên Hòa thì nơi đây đã vắng lặng, không chợ, không điện, nước.. Trước đó, khi biết tin Pháp tăng viện binh phá được vòng vây Sài Gòn, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa đã “tiêu thổ kháng chiến” và nhanh chóng đưa các cơ quan lãnh đạo chuyển về xây dựng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên. Hoàng Minh Châu cùng vợ, con cùng rời khỏi Tòa bố Biên Hòa đi về căn cứ Tân Uyên.

Trong không khí kháng chiến sôi nổi, ngày 6 tháng 1 năm 1946, cử tri tỉnh Biên Hòa đã nô nức tham gia cuộc bầu cử Quốc dân đại hội (Quốc hội) khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các địa điểm bỏ phiếu đều được trang trí trang trọng, có cổng chào với cờ đỏ sao vàng với các khẩu hiệu biểu lộ nguyện vọng và quyết tâm của nhân dân: Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm; Bầu người xứng đáng vào Quốc Hội; Quyết giữ độc lập; Không làm nô lệ cho thực dân Pháp...Đặc cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của đơn vị Biên Hòa gồm: Phạm Văn Búng, Hoàng Minh Châu, Điều Xiển. Hoàng Minh Châu đã bàn giao công việc lại cho Nguyễn Văn Tàng – người được cử làm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa để ra Hà Nội dự họp Quốc hội lần thứ I (khóa I). Nguyễn Văn Tàng vốn là viên kinh lý của

chính quyền thực dân Pháp và đồng thời là chú của Tỉnh trưởng Biên Hòa Nguyễn Văn Quý đã được Hoàng Minh Châu thay mặt cho Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hòa thuyết phục để ông vận động cháu mình bàn giao chính quyền cho cách mạng một cách êm thấm, tránh đổ máu, rất được Xứ ủy khen ngợi đánh giá cao.

Trong khi Hoàng Minh Châu tìm đường ra vùng giải phóng Nam – Ngãi – Bình – Phú (Liên khu 5), trong đó ở Phú Yên còn đường xe lửa nối liền với Hà Nội để đi họp Quốc hội thì bà Trần Thị Khuê cùng các con và hơn chục nhân viên tùy tùng của ông rời Chiến khu Đ về quê chồng Trà Vinh sinh sống chờ ngày ông trở về.

Họp Quốc hội xong, Hoàng Minh Châu theo xe lửa về lại Phú yên. Tại Sông Cầu, Nguyễn Hồng Phong, Hoàng Minh Châu xin quá giang chiếc tàu thủy không số chở vũ khí do đồng chí Nguyễn Thị Định xin được của Trung ương về Bến Tre. Chiếc tàu không số này do Đặng Văn Qua thuộc đơn vị hàng hải miền Nam đóng ở Trà Vinh làm thuyền trưởng. Khi về đến Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre Hoàng Minh Châu không đi tiếp về Trà Vinh mà ông tìm đường lên Biên Hòa. Tối đó do ghé nhà người chị vợ ở Tân Định, Sài Gòn thì Hoàng Minh Châu bị bọn mật thám Pháp ập đến bắt đi. Chúng đưa ông về bót Catinat khét tiếng ở Sài Gòn rồi chúng thi nhau đánh đập, tra tấn rất dã man. Đích thân tên cò Bazin là chánh mật thám miền Đông đến gặp Hoàng Minh Châu và hai người có cuộc trao đổi bằng tiếng Pháp. Bazin nói giọng đặc thảng: *“Ê thằng Vĩ mày là thằng Nguyễn Thành Vĩ quê ở Càng Long, Trà Vinh, mày làm bạo loạn định cướp chính quyền ở Càng Long, đã bị tao tóm được cho đi tù...Nay mày thay tên đổi họ là Hoàng Minh Châu cũng không thoát khỏi tay tao. Có mấy thằng chủ đồn điền, chủ đất, chủ nhà máy.. đến kiện mày đòi lại tài sản khi mày làm chủ tịch ở Biên Hòa mày đã ra lệnh tịch thu của họ”*¹⁵. Những tài sản đó họ có được là nhờ sự tiếp tay của nhà nước “Đại Pháp” các ông. Họ bóc lột công nhân, nông dân mà có, tôi thay mặt nhân dân ra lệnh tịch thu để trả lại cho nhân dân. Ông hãy nói với họ đến gặp dân mà đòi. Còn đối với tôi hiện nay đang bị các ông bắt giam giữ trái phép. Tôi là Nghị sĩ Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Một nước độc lập, có chủ quyền được quốc tế thừa nhận. Theo luật Quốc tế, Nghị sĩ Quốc hội được quyền

¹⁵ Dẫn theo bài viết Chuyện đời “Nghị sĩ Quốc hội” đầu tiên của Biên Hòa của tác giả Bùi Thuận in trên Tạp chí Văn nghệ Đồng Nai, số 12, năm 2016

“bất khả xâm phạm về thân thể” chắc nước Pháp cũng tuân thủ Luật quốc tế và nước Việt Nam chúng tôi cũng vậy. Ta phải đối xử với nhau theo Luật quốc tế. Tôi hiện nay hai tay chỉ có còng, hai chân chỉ có xiềng xích, khắp thân thể đầy thương tích. Như vậy nước các ông xưng là dân chủ, văn minh được ư!

Lúc bấy giờ báo chí tiền bộ ở Sài Gòn đồng loạt lên tiếng về sự bắt giữ trái phép Nghị sĩ Quốc hội Hoàng Minh Châu. Từ Hà Nội, Chính phủ gửi công điện vào Sài Gòn phản đối chuyện bắt giữ đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu và cho rằng hành động này của nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn đã vi phạm thô bạo đến Hiệp ước sơ bộ mà hai bên đã ký kết vào ngày 6 tháng 3 năm 1946. Trước phản ứng mạnh mẽ của công luận, thực dân Pháp buộc phải thả Hoàng Minh Châu vô điều kiện. Nhưng do bị chúng tra tấn đánh đập gây nhiều thương tích quá nặng nên ông được đưa lên máy bay ra Hà Nội để chữa trị.

Sau một thời gian điều trị, được cứu chữa tận tình, sức khỏe của Hoàng Minh Châu tương đối bình phục. Vừa từ Paris trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến “Phòng Nam bộ” thăm hỏi cán bộ từ miền Nam ra chờ phân công nhiệm vụ. Nghe nguyện vọng của Hoàng Minh Châu muốn trở về Nam bộ, Bác Hồ đồng ý. Sau khi bàn bạc công việc Bác quyết định cử Hoàng Minh Châu làm đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại các tỉnh miền Tây.

Những năm tháng cuối đời của Đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu

Là đặc phái viên của Trung ương lại trong điều kiện sức khỏe yếu nhưng Hoàng Minh Châu vẫn hết sức quan tâm đến việc nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ. Ông cùng coi Tỉnh ủy Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Sa Đéc ... liên tục mở nhiều lớp huấn luyện chính trị và trực tiếp đứng ra giảng bài. Được chỉ đạo của Trung ương Đảng, Hoàng Minh Châu sinh hoạt Đảng tại cơ quan Đảng bộ tỉnh Trà Vinh và được đề cử ra ứng cử Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh. Bộn bề với bao công việc, trong đó có cả việc chuẩn bị ra làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Trà Vinh thì cơn đau do đòn roi tra tấn của kẻ thù ở bốt Catina bộc phát. Vào lúc 18 giờ tối ngày 19 tháng 6 năm 1948, người chiến sĩ cộng sản kiên cường Hoàng Minh Châu đã từ giã cõi đời ở tuổi 37 tại bệnh viện kháng chiến tỉnh Vĩnh Long.

Khi nghe tin con trai mất, ông Hào Trí người cha nổi tiếng nghiêm khắc và cứng rắn đã không cảm được nước mắt tiếc thương người con cộng sản ngang tàng mà ông đã từng từ bỏ. Và sau đó một thời gian hai người cháu nội là Nguyễn Thành Chánh và Nguyễn Thành Đệ cũng từ già gia đình để lên đường kháng chiến tiếp tục sự nghiệp cách mạng còn dang dở của ba mình. Ông Nguyễn Thành Trí cầm tay dặn dò: *“Ba tụi bay đã làm rạng danh cho người Cộng sản đất An Trường này. Giờ tụi bay đi theo con đường của ba tụi bay là rất đúng. Lúc hoạt động nó lấy tên là Hoàng Minh Châu, giờ ông nội cũng cho phép hai cháu lấy họ Hoàng và rang đánh giặc để xứng đáng là con của liệt sĩ Hoàng Minh Châu”*.

Trong đêm 23 rạng sáng ngày 24 tháng 8 năm 1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, cờ vàng sao đỏ, dán khẩu hiệu khắp các phố thị.. Trụ sở Ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tập nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa. Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập dâng cao bao giờ hết. Sáng sớm ngày 26 tháng 8 năm 1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập hợp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dội.

III. CẢM XÚC CÁ NHÂN VỚI ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN CỦA TỈNH ĐỒNG NAI HOÀNG MINH CHÂU

Khi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của nhà cách mạng, đại biểu Quốc hội đầu tiên của tỉnh Đồng Nai tôi thấy rất biết ơn về những công lao to lớn trong quá trình hoạt động cách mạng của Đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu. Cả cuộc đời ông đã dành hết cho sự nghiệp cách mạng. Tuy được sinh ra trong gia đình giàu có, cha ông là Hào trí có tiếng tăm trong làng Trường An, tỉnh Trà Vinh nhưng ông không màng danh lợi khi chứng kiến cảnh đất nước đang chịu cảnh nước mất, nhà tan.

Năm 1930 vừa 18 tuổi, Hoàng Minh Châu thi đậu bằng diplome, làm cho chủ quận Càng Long là đốc phủ Hồ Văn Trung (tức nhà văn Hồ Biểu Chánh) hết lời khen ngợi. Đốc phủ Trung mời Nguyễn Thành Vĩ ra làm quan đốc học, nhưng không ngờ ông lại từ chối. Không phải ông

chê công việc mà vì ông không muốn làm việc cho Pháp. Vì vậy ông đã tạm bỏ cái tên cha mẹ đặt là Nguyễn Thành Vĩ lấy tên mới là Hoàng Minh Châu với mong muốn đem hết tài sức vì quê hương đất nước. Ông đã sớm giác ngộ cách mạng, với mong muốn đấu tranh đòi lại hòa bình tự do cho nhân dân, cho đất nước. Mặc dù bị gia đình ngăn cấm buộc ông phải lấy vợ sớm để cầm chân “cậu Tư Vĩ” nhưng không gì có thể ngăn cản lòng quyết tâm đánh đuổi giặc của người chiến sĩ đầy lòng nhiệt huyết.

Khoảng thời gian từ năm 1930 đến 1933, địa bàn Biên Hòa luôn nằm trong vùng kiểm soát khủng bố truy lùng của địch, Tại Biên Hòa, do chưa có kinh nghiệm hoạt động nên ngay từ cuối năm 1930, nhiều đảng viên cốt cán đã bị bắt, một số thì lánh đi nơi khác hoặc mất liên lạc với tổ chức. Phong trào cách mạng ở Biên Hòa cũng như toàn quốc lâm vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng. Thế nhưng đồng chí Hoàng Minh Châu cùng một số đồng chí đảng viên không sợ nguy hiểm vẫn luôn một lòng hướng về Đảng vì nhân dân quyết tâm thành lập chi bộ Đảng làm nòng cốt cho các phong trào cách mạng sau này. Chi bộ Bình Phước – Tân Triều ra đời là một minh chứng cho tấm lòng yêu nước, thương dân của Hoàng Minh Châu. Và phong trào cách mạng sau năm 1935 tại Bình Phước - Tân Triều cho thấy sức lan tỏa rộng khắp của phong trào đấu tranh trong nhân dân Đồng Nai sớm được phát triển mạnh mẽ. Đó chính là nhờ vào sự cố gắng quyết tâm của Hoàng Minh Châu. Sự đóng góp của ông sẽ được nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai đời đời ghi nhớ. Hiện nay, địa điểm thành lập Chi bộ Bình Phước - Tân Triều tại xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu đã được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh. Gia đình ông Huỳnh Văn Quận đã hiến 160m² đất để Huyện ủy, UBND huyện Vĩnh Cửu xây dựng nhà bia lưu niệm cấp tỉnh, nơi ra đời của chi bộ Đảng đầu tiên ở Biên Hòa - Đồng Nai và cũng là nơi ghi dấu thành lập Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Là địa điểm giúp mọi thế hệ có điều kiện tìm hiểu về lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cũng như truyền thống đấu tranh anh dũng của cha, ông để lại.

Trong quá trình hoạt động cách mạng Hoàng Minh Châu giữ các chức vụ quan trọng như Bí thư chi bộ Bình Phước – Tân Triều, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, Đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của Biên Hòa nhưng ông vẫn sống giản dị, chân chất

theo lối sống của người dân Nam bộ. Cả cuộc đời ngắn ngủi của mình, ông đã dành hết cho Đảng và nhân dân.

Những năm tháng cuối đời mặc dù sức khỏe ông ngày càng yếu do hậu quả của những đòn tra tấn của kẻ thù nhưng Hoàng Minh Châu vẫn cố gắng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng; ông là đặc phái viên của Trung ương lại trong điều kiện sức khỏe yếu nhưng ông vẫn hết sức quan tâm đến việc nâng cao trình độ chính trị cho cán bộ. Hoàng Minh Châu cùng với Tỉnh ủy Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Sa Đéc ... liên tục mở nhiều lớp huấn luyện chính trị và trực tiếp đứng ra giảng bài. Được chỉ đạo của Trung ương Đảng, Hoàng Minh Châu sinh hoạt Đảng tại cơ quan Đảng bộ tỉnh Trà Vinh và được đề cử ra ứng cử Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh. Bộn bề với bao công việc, trong đó có cả việc chuẩn bị ra làm Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Trà Vinh thì cơn đau do đòn roi tra tấn của kẻ thù ở bốt Catina bộc phát. Vào lúc 18 giờ tối ngày 19 tháng 6 năm 1948, người chiến sĩ cộng sản kiên cường Hoàng Minh Châu đã từ giã cõi đời ở tuổi 37 tại bệnh viện kháng chiến tỉnh Vĩnh Long. Ông mất khi tuổi đời còn rất trẻ để lại bao nỗi thương tiếc dành cho ông.

Tuy ông không sinh ra ở Đồng Nai nhưng những đóng góp to lớn của ông đối với nhân dân Đồng Nai mãi là bản anh hùng ca. Không chỉ cá nhân tôi mà những đóng góp của ông sẽ mãi mãi được nhân dân Biên Hòa Đồng Nai đời đời ghi nhớ.

*** Một vài kiến nghị nhằm phát huy về những đóng góp to lớn của chiến sĩ cách mạng, Đại biểu Quốc hội đầu tiên của Đồng Nai Hoàng Minh Châu**

Nếu chỉ có một con đường nhỏ mang tên Hoàng Minh Châu thì ắt hẳn sẽ không có nhiều người biết được thân thế và sự nghiệp cũng như những đóng góp to lớn của ông đối với vùng đất Biên Hòa, Đồng Nai. Bản thân tôi thiết nghĩ cần phải có một số giải pháp để tuyên truyền sau:

Ngoài việc đặt tên đường mang tên Hoàng Minh Châu cần phải xây tượng đài và ghi đầy đủ chi tiết về thân thế và sự nghiệp của ông để nhiều người có thể biết đến ông. Trong các sự kiện của Biên Hòa – Đồng Nai, đặc biệt kỷ niệm về thời kỳ đấu tranh cách mạng, cần tổ chức những buổi sinh hoạt, nói chuyện chuyên đề về những đóng góp của các chiến sĩ cách mạng tiêu biểu; trong đó có đồng chí Hoàng Minh Châu. Tại các trường học khi tổ chức cho học sinh

học tập về lịch sử địa phương, cần tổ chức tham quan di tích lịch sử gắn với từng thời kỳ, giai đoạn, trong đó có di những di tích gắn với thời kỳ hoạt động của đồng chí Hoàng Minh Châu ở Đồng Nai.

Thân thể và sự nghiệp của Hoàng Minh Châu cần được cần được tuyên truyền, quảng bá rộng rãi. Nội dung tuyên truyền, quảng bá như tờ gấp, hay tập sách nhỏ, tập ảnh liên quan đến tiểu sử và những đóng góp to lớn Hoàng Minh Châu đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai...) cần được biên soạn một cách phổ quát và đa dạng hóa bằng các loại hình và các phương tiện truyền thông. Trên cơ sở những dữ liệu được tuyên truyền, mọi người, từ các đối tượng khác nhau có thể thuận lợi tiếp cận, lĩnh hội, nắm bắt những thông tin một cách cụ thể. Những sản phẩm này sẽ thông qua khách tham quan sẽ được tiếp tục quảng bá một cách thuận lợi đến những nơi khác, đối tượng khác.

Để bảo tồn và tôn vinh Địa điểm thành lập chi bộ cộng sản Bình Phước – Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa cũng như công lao to lớn của Bí thư chi bộ Hoàng Minh Châu, huyện ủy, UBND huyện Vĩnh Cửu xây dựng một nhà bia trên khu đất xưa. Đây sẽ là một công trình văn hóa có ý nghĩa giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ của tỉnh Đồng Nai trong hiện tại và tương lai.

Cần đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị tại các thiết chế văn hóa như: Bảo tàng tỉnh, thư viện tỉnh và Văn Miếu Trấn Biên

Bảo tàng Đồng Nai là nơi nghiên cứu sưu tầm, bảo quản, trưng bày và lưu giữ những di sản văn hóa vật thể của địa phương. Thế nhưng vì một số lý do khách quan nên Bảo tàng chưa tiến hành sưu tầm sâu rộng những tư liệu. Vì vậy, Bảo tàng cần phải nghiên cứu lập đề cương trưng bày cố định hoặc trưng bày chuyên đề giới thiệu về Hoàng Minh Châu.

Cán bộ thuyết minh tại các điểm như Bảo tàng, Ban quản lý di tích, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cần nắm rõ nội dung để việc quảng bá, giới thiệu về tiểu sử và những đóng góp của ông trong thời kỳ chống thực dân Pháp. Giới thiệu rộng rãi trong trường học phổ thông trung học, đại học, qua các bài viết của các nhà nghiên cứu, những người làm công tác quản lý di tích ở địa phương về tiểu sử và đóng góp to lớn của Hoàng Minh Châu đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, dưới nhiều hình thức như: hình ảnh, phim tư liệu, sách, báo, tạp chí, giáo trình qua đó góp

phần giáo dục truyền thống yêu quê hương, yêu đất nước, lòng tự hào dân tộc của các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ ngày hôm nay.

Trung tâm Văn Miếu Trấn biên cần sưu tầm bổ sung và tiến hành nghiên cứu phương pháp trưng bày nhằm tuyên truyền cuộc đời và sự nghiệp các chiến sĩ cách mạng miền Nam nói chung và nhà cách mạng Hoàng Minh Châu nói riêng. Bên cạnh đó cần có kế hoạch tổ chức lễ tưởng niệm nhân ngày kỷ niệm thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

KẾT LUẬN

Di sản văn hóa nói chung, loại hình di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là tài sản vô giá được tạo dựng trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là các di tích lịch sử phản ánh thành quả của các thế hệ cha ông trong quá trình lao động xây dựng, chiến đấu bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực và sự đa dạng trong sắc thái văn hóa của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trên bình diện cụ thể, những di tích lịch sử - văn hóa của Biên Hòa nói riêng – Đồng Nai nói chung là thành quả và là vốn di sản quý giá của nhiều thế hệ con dân xứ sở này tạo dựng, để lại cho hôm nay. Đây là những vốn quý góp phần làm đa dạng cho văn hóa của Đồng Nai, của đất nước Việt Nam thân yêu. Đây là tài sản quý giá và cũng là niềm tự hào cho mọi người hôm nay, đặc biệt thế hệ trẻ khi mà những thế hệ cha ông đã không quản công sức và cả sự hy sinh để tạo dựng lên.

Tôi tự hào vì đã được sống trên mảnh đất Biên Hòa – Đồng Nai, nơi có nhiều di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh, nhiều công trình văn hóa được xây dựng. Những giá trị văn hóa ấy đã góp phần tô đậm thêm cho di sản văn hóa, ghi dấu công lao của bao thế hệ tiền nhân được bảo tồn cho đến hôm nay.

Chúng ta có niềm tự hào về danh nhân Trịnh Hoài Đức – người mang trong mình ai dòng máu Việt – Hoa đã tận tâm cống hiến cho đất nước, quê hương Biên Hòa – Đồng Nai. Người chiến sĩ cách mạng, đại biểu Quốc hội đầu tiên tỉnh Đồng Nai Hoàng Minh Châu người đã cống hiến cả cuộc đời vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì vậy, đối với công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa trong tình hình hội nhập phát triển như hiện nay là vô cùng cần thiết, đòi hỏi ý thức, trách nhiệm và sự nỗ lực lớn của các cấp chính quyền, các cơ quan hữu trách và ý thức của mỗi người, đặc biệt với thế hệ trẻ hôm nay./.

IV. NHỮNG HÌNH ẢNH CÓ LIÊN QUAN VỀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU



Di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa



Tác giả tại di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu



*Tác giả tại di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy
Lâm thời Biên Hòa xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu*



*Tác giả tại di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy
Lâm thời Biên Hòa xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu*

Một số hình ảnh về con đường vinh dự mang tên đại biểu Quốc hội

Hoàng Minh Châu



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1998), *Biên Hòa Đồng Nai – 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai.
2. Bảo tàng Đồng Nai (1993), *Đồng Nai di tích - lịch sử văn hóa*, NXB Đồng Nai.
3. Bảo tàng Đồng Nai (2002), *Việt Nam – Đồng Nai trăm năm nhìn lại*, NXB Đồng Nai.
4. Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa (2012), *Biên Hòa xưa*, NXB Đồng Nai
5. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai (1999), *Lịch sử Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 – 1995)*, NXB Quân đội nhân dân.
6. Bộ Tư lệnh Quân khu 7- Tỉnh Sông Bé – Tỉnh ủy Đồng Nai (1997), *Hào khí Đồng Nai*, NXB Đồng Nai.
7. Bùi Thuận (2011), *Người Đồng Nai một thời và mãi mãi*, NXB Đồng Nai
8. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai (2016), *Kỷ yếu Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai qua các nhiệm kỳ*, NXB Đồng Nai.
9. *Những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam*, (1993), NXB Văn hóa Thông tin
10. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi (2010). *Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai*. NXB Đồng Nai.
11. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nhiều tác giả) (2001), *Địa chí Đồng Nai (Tập 3 – Lịch sử, tập 5 - văn hóa xã hội)*, NXB Đồng Nai.
12. Trần Quang Toại (chủ biên), 2004. *Đồng Nai Di tích lịch sử văn hóa*. NXB Tổng hợp Đồng Nai.
13. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (1998), *Biên Hòa Đồng Nai – 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai.
14. Ban quản lý di tích và danh thắng Đồng Nai (2015), *Di tích Mộ Trịnh Hoài Đức*.
15. Bảo tàng Đồng Nai (1993), *Đồng Nai di tích - lịch sử văn hóa*, NXB Đồng Nai.
16. Bảo tàng Đồng Nai (2002), *Việt Nam – Đồng Nai trăm năm nhìn lại*, NXB Đồng Nai.

17. Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa (2012), *Biên Hòa xưa*, NXB Đồng Nai
18. Bảo tàng Đồng Nai (1994), *Người Đồng Nai*, NXB Đồng Nai
19. CHXHCN Việt Nam (2009), *Luật di sản văn hóa (Sửa đổi và bổ sung)*.
20. *Nam bộ xưa và nay* (nhiều tác giả) (2013), NXB Thời đại tạp chí xưa và nay.
21. Huỳnh Văn Tới – Bùi Quang huy (2005), *Gia đình Tam Gia*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.
22. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thanh Lợi (2010). *Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai*. NXB Đồng Nai.
23. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia đình thành thông chí (Lý Việt Dũng, Huỳnh Văn Tới chú giải, hiệu đính)*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.
24. Lương Văn Lựu (1972), *Biên Hòa sử lược toàn biên* (quyển 2), *Biên Hòa oai dũng*, tác giả xuất bản.
25. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nhiều tác giả) (1998), *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai.
26. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nhiều tác giả) (2001), *Địa chí Đồng Nai (Tập 3 – Lịch sử)*, NXB Đồng Nai.
27. Trần Quang Toại (chủ biên), 2004. *Đồng Nai Di tích lịch sử văn hóa*. NXB Tổng hợp Đồng Nai.
28. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng (2005). *Văn hóa Đồng Nai (sơ thảo)*, NXB Đồng Nai.
29. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994). *Đại Nam nhất thống chí (tập V)*. NXB Thuận Hóa, Huế.
30. Ghi chép qua những lần tham quan di tích, năm 2016.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU..... 1

Cảm nhận về nhân vật được chọn đặt tên đường. Những hành động, đức tính của nhân vật cần học tập, làm theo

I. VÀI NÉT VỀ CON ĐƯỜNG MANG TÊN TRỊNH HOÀI ĐỨC..... 6

II.DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC

II.1. Tiểu sử Trịnh Hoài Đức.....	7
II.2. Đóng góp của Trịnh Hoài Đức trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa...	10
II.3. Tấm lòng trung nghĩa của Trịnh Hoài Đức.....	17
II.4. Tình cảm của Trịnh Hoài Đức với Biên Hòa - Đồng Nai.....	21
II.5. Người Biên Hòa - Đồng Nai với danh nhân Trịnh Hoài Đức.....	23
II.6. Di tích Lăng mộ Trịnh Hoài Đức.....	26
III. BÀI HỌC TỪ GƯƠNG DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC.....	30

IV. NHỮNG HÌNH ẢNH VỀ DANH NHÂN TRỊNH HOÀI ĐỨC

Ở BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI

Cảm nhận từ tấm gương đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu

I.VÀI NÉT VỀ BẦU CỬ QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN Ở BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI.....	45
---	-----------

II.TIỂU SỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU.....	46
--	-----------

III. QUÁ TRÌNH THAM GIA CÁCH MẠNG CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU.....	46
---	-----------

Những năm tháng cuối đời của Đại biểu Quốc hội Hoàng Minh Châu.....	63
--	-----------

III.CẢM XÚC CÁ NHÂN VỚI ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN CỦA TỈNH ĐỒNG NAI HOÀNG MINH CHÂU.....	.65
--	------------

KẾT LUẬN.....	70
----------------------	-----------

IV.NHỮNG HÌNH ẢNH CÓ LIÊN QUAN VỀ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI HOÀNG MINH CHÂU	
--	--

- Tài liệu tham khảo

- Mục lục

